

BÀI THỰC HÀNH (3x2= 6 tiết)

**SOẠN GIÁO ÁN VÀ TẬP DẠY CÁC BÀI VỀ THỰC VẬT, ĐỘNG VẬT,
MÔI TRƯỜNG VÀ TÀI NGUYÊN**

I. Mục tiêu:

- SV biết soạn giáo án dạy một bài có nội dung về thực vật, động vật, môi trường và tài nguyên
- Rèn kỹ năng dạy học các bài có nội dung về thực vật, động vật, môi trường và tài nguyên TNXH.
- Hình thành và rèn luyện ý thức nghiêm túc trong công việc dạy học.

II. Nội dung:

- 1- Tập soạn giáo án một bài có nội dung kiến thức về thực vật, động vật, môi trường và tài nguyên .
- 2 - Tập dạy học một bài học có nội dung kiến thức về thực vật, động vật, môi trường và tài nguyên .

III. Cách tiến hành

* Buổi 1(3 tiết): Tập soạn giáo án

- GV hướng dẫn cho SV cách soạn giáo án các bài có nội dung về thực vật, động vật, môi trường và tài nguyên .

- Chia lớp thành các nhóm 4-6 SV, các nhóm tiến hành thảo luận và soạn giáo án

* Buổi 2 (3 tiết): Tập dạy theo nhóm và cả lớp các bài có nội dung về thực vật

- Đại diện các nhóm tiến hành tập dạy các hoạt động học tập, các thành viên trong lớp vừa đóng vai là “học sinh” vừa là “người dự giờ”.

- Các nhóm khác nhận xét, góp ý, bổ sung cho hoạt động tập dạy của nhóm bạn

- GV nhận xét và kết luận.

* Buổi 3 (4 tiết): Tập dạy theo nhóm và cả lớp các bài có nội dung về động vật, môi trường và tài nguyên

Cách tiến hành như buổi 2

• Cuối buổi 3, GV rút ra những ưu điểm và nhược điểm của SV trong việc sử dụng các phương pháp và hình thức tổ chức dạy học các bài có nội dung thực vật, động vật, môi trường và tài nguyên để để SV làm bài học kinh nghiệm.

Chương 1

HƯỚNG DẪN DẠY HỌC CÁC BÀI CÓ NỘI DUNG VỀ CON NGƯỜI VÀ SỨC KHỎE

Mục tiêu : Học xong chương này SV đạt được:

- Về kiến thức :

+ Nắm được các phương pháp và hình thức tổ chức dạy học đối với chủ đề này.

+ Nắm được quy trình soạn giáo án và thực hành dạy một số bài thuộc loại kiến thức này.

- Về kĩ năng:

Rèn kỹ năng soạn giáo án, kỹ năng thực hành giảng dạy các bài có nội dung cơ thể người và sức khỏe.

-Về thái độ:

SV có ý thức học tập tốt, chú ý đến việc nâng cao các kỹ năng nghiệp vụ sư phạm cho bản thân, yêu thích nghề dạy học. Nâng cao ý thức bảo vệ sức khỏe cho bản thân.

Nội dung :

1. Mục tiêu chủ đề : Học xong các chủ đề này học sinh đạt được:

a. Về kiến thức:

- Biết tên và vị trí của một số bộ phận trên cơ thể người
- Nhận thức được vai trò của các hệ cơ quan trong cơ thể.
- Trình bày được một cách khái quát về cấu tạo và hoạt động của các hệ cơ quan đó
- Trình bày được một cách khái quát sự sinh ở người.
- Biết được nguyên nhân, triệu chứng và cách phòng ngừa một số bệnh thường gặp ở HS tiểu học.
- Biết được nguyên nhân và cách sơ cứu một số tai nạn thường xảy ra ở HS tiểu học.

b. Về kỹ năng:

- Hình thành và phát triển kỹ năng quan sát, mô tả con người.
- Rèn kỹ năng thực hành, lắp đặt và tiến hành thí nghiệm sinh học
- Rèn kỹ năng trình bày, đặt câu hỏi, TLN...

c. Về thái độ

- Hình thành lòng yêu con người, biết chăm sóc và bảo vệ bản thân và mọi người.
- Hình thành ý thức bảo vệ môi trường sống của con người

2. Một số phương pháp dạy học và hình thức tổ chức dạy học có thể vận dụng để dạy các bài có nội dung về con người và sức khỏe

2.1. Các loại kiến thức: chủ đề này gồm các loại kiến thức chủ yếu sau:

- 1-Vị trí, hình dạng, cấu tạo chung của cơ thể người, các hệ cơ quan của người.
- 2- Chức năng và hoạt động sinh lí của các cơ quan trong cơ thể người: bộ xương, hệ cơ, cơ quan tiêu hóa, bài tiết, hô hấp, tuần hoàn, thần kinh, trao đổi chất, sinh sản.
- 3- Vệ sinh cơ thể, vệ sinh các cơ quan, phòng tránh bệnh tật

Bảng tóm tắt nội dung kiến thức trong chủ đề con người và sức khỏe:

| Lớp | Nội dung kiến thức |
|-----|---|
| 1 | Các giác quan trong cơ thể người (tên gọi, đặc điểm, vai trò, vệ sinh) |
| 2 | Vai trò của hệ cơ, hệ xương, sự vận động |
| 3 | Cấu tạo và chức năng của cơ quan tiêu hóa, tuần hoàn, hô hấp và bài tiết nước tiểu(nhận biết vị trí, nêu đặc điểm chính, vai trò) |
| 4 | Vai trò của sự trao đổi chất đối với cơ thể người và hệ thần kinh (các thành phần hệ thần kinh, vai trò của các thành phần đó, phản xạ) |
| 5 | Sự sinh sản ở người: cơ quan sinh sản; sự thụ tinh, sự phát triển của bào thai, sự sinh trưởng và phát triển ở người. |

2.2. Các phương pháp dạy học:

Có thể vận dụng một cách linh hoạt các phương pháp sau đây để dạy các bài có nội dung về con người và sức khỏe tùy thuộc vào nội dung kiến thức của bài học và điều kiện dạy học của từng trường.

- Phương pháp quan sát
- Phương pháp trò chơi
- Phương pháp thí nghiệm
- Phương pháp giảng giải
- Phương pháp đóng vai
- Phương pháp thảo luận
- Phương pháp hỏi đáp
- Phương pháp thực hành

* *Đọc các thông tin sau và lập bảng PPDH chủ đề con người và sức khỏe:*

| PPDH | Sử dụng dạy loại kiến thức | Phương tiện dạy học | Sử dụng dạy học theo hướng tích cực |
|----------------|-----------------------------------|----------------------------|--|
| 1. PP quan sát | | | |
| | | | |
| | | | |
| | | | |

2.2.1. Phương pháp quan sát:

- *Sử dụng để dạy các loại kiến thức:* Vị trí, hình dạng, cấu tạo ngoài của cơ thể người, các cơ quan và hệ cơ quan, hoạt động của các cơ quan và hệ cơ quan, sinh sản và phát triển cơ thể người, sự trao đổi chất, một số kiến thức về vệ sinh, phòng bệnh...

- *Phương tiện trực quan:* Bộ tranh về cơ thể người và các hệ cơ quan trong cơ thể người, về vệ sinh cơ thể, môi trường, tranh sơ đồ hoạt động các hệ cơ quan, sơ đồ trao đổi chất, sơ đồ sinh sản, phim về hoạt động của một số cơ quan ở người...; mô hình lắp ráp về các bộ phận trong cơ thể người như mô hình mắt, tai, tim, phổi...

- *Sử dụng theo hướng tích cực:* GV hướng dẫn HS quan sát bằng các lệnh hoặc câu hỏi; HS quan sát theo nhóm hoặc cá nhân để hoàn thành nhiệm vụ được giao và trình bày kết quả quan sát trước lớp; GV cho HS nhận xét và rút ra kết luận.

Ví dụ: Bài Máu và cơ quan tuần hoàn máu- TNXH lớp 3

Quan sát và thảo luận để trình bày các thành phần của máu, chức năng của hồng cầu.

GV cho HS làm việc theo nhóm, yêu cầu các nhóm thực hiện:

- Quan sát các hình 1,2,3 trang 14 SGK và kết hợp quan sát ống máu đã được chống đông đem đến lớp để trả lời các câu hỏi của GV:

+ Khi bị đứt tay hay trầy da bạn nhìn thấy gì ở vết thương?

+ Theo bạn, khi máu mới bị chảy ra khỏi cơ thể, máu là chất lỏng hay đặc?

+ Quan sát ống nghiệm máu đã chống đông bạn thấy máu chia làm mấy phần? Đó là những phần nào?

+ Cơ quan vận chuyển máu đi khắp cơ thể có tên gọi là gì?

- Sau khi HS quan sát theo nhóm và thảo luận thì GV hướng dẫn hoạt động cả lớp, gọi các nhóm lên bảng trình bày kết quả làm việc của nhóm. Các nhóm khác bổ sung và GV rút ra kết luận.

2.2.2. Phương pháp thực hành:

- *Thường sử dụng để dạy các loại kiến thức:*

+ Các kiến thức về sức khỏe như: về vệ sinh cơ thể như thực hành đánh răng, rửa mặt...; về dinh dưỡng, về chăm sóc người bệnh...

+ Có thể dạy các kiến thức về cấu tạo và hoạt động của các hệ cơ quan như sắp xếp tranh về các bộ phận hệ tiêu hoá, hoạt động của hệ thần kinh và giác quan, hệ vận động ..., thực hành tìm hiểu chức năng của hệ thần kinh, thực hành đếm nhịp tim, thực hành chăm sóc người bị ốm, thực hành lựa chọn sử dụng và bảo quản thức ăn, phòng bệnh qua đường tiêu hóa, hô hấp...

+ Thực hành băng bó khi chảy máu, sơ cứu ban đầu khi bị gãy xương, cứu bạn khi bị đuối nước....

- *Phương tiện, dụng cụ học tập:*

+ Các dụng cụ thực hành: bộ tranh và mô hình cấu tạo cơ thể người, các hệ cơ quan trong cơ thể người

+ Các mô hình, mẫu vật

- *Cách sử dụng có hiệu quả:*

+ Lựa chọn nội dung thực hành phù hợp

+ Chuẩn bị dụng cụ, mẫu vật đầy đủ.

+ Hướng dẫn kĩ HS cách tiến hành .

+ Nên tổ chức thực hành theo nhóm nhỏ

+ Hướng dẫn HS cách ghi chép, trả lời câu hỏi trong phiếu học tập

+ Hướng dẫn HS báo cáo kết quả, giải thích, so sánh giữa các nhóm và tự rút ra kết luận.

* **Ví dụ:** Thực hành cách thở sâu- bài Hoạt động thở và cơ quan hô hấp - TNXH lớp 3.

- GV cho cả lớp cùng thực hiện động tác: bịt mũi nín thở

- Sau đó hỏi cảm giác của các em khi làm động tác này.

- Sau đó gọi một HS lên đứng trước lớp thực hiện động tác thở sâu như hình trang 4 SGK để cả lớp quan sát. Sau đó yêu cầu cả lớp đứng tại chỗ đặt một tay lên ngực và cùng thực hiện hít vào thật sâu và thở ra hết sức.

- GV hướng dẫn HS vừa làm vừa theo dõi sự phồng lên hay xẹp xuống của lồng ngực. Sau đó cho các em trả lời các câu hỏi sau:

+ Nhận xét sự thay đổi của lồng ngực khi hít vào thật sâu và thở ra thật mạnh.

+ So sánh lồng ngực khi hít vào thật sâu và hít vào bình thường.

+ Nêu lợi ích của việc thở sâu.

- Sau đó GV rút ra kết luận.

2.2.3. PP đóng vai:

- *Sử dụng để dạy các loại kiến thức:* các kiến thức liên quan đến vấn đề vệ sinh và phòng bệnh cho cơ thể (bác sĩ và bệnh nhân, cô giáo và các bạn học sinh ...) và các kiến thức về cách xử lý một số tai nạn thường gặp ở HS tiểu học như Gãy xương, chảy máu cam, băng bó cầm máu...

- *Phương tiện trực quan:* bộ tranh và các phim về cách sơ cứu các tai nạn thường xảy ra, một số các vật dụng cần thiết như băng, gạc, nẹp tre, cùn....

- *Sử dụng theo hướng tích cực:* GV nên tổ chức theo nhóm và cho HS thảo luận nhóm để đưa ra kịch bản, đưa ra lời thoại; chọn người đóng các vai, xem các thao tác thực hiện ở các đoạn phim, GV hướng dẫn HS rút ra kiến thức qua việc đóng vai.

* **Ví dụ:** Đóng vai để phát hiện các trạng thái tâm lý có lợi hay có hại đối với cơ thể (Bài Vệ sinh hệ thần kinh- TNXH lớp 3)

- GV chia lớp làm 4 nhóm và chuẩn bị 4 phiếu, mỗi phiếu ghi một trạng thái tâm lý: tức giận, lo lắng, vui vẻ, sợ hãi.

- GV phát phiếu cho các nhóm và yêu cầu các em tập diễn đạt về mặt của người có trạng thái tâm lý như được ghi trong phiếu. Nhóm trưởng điều khiển các bạn trong nhóm thực hiện theo yêu cầu của GV.

- Sau đó cử mỗi nhóm lên trình diễn về mặt của người đang trong trạng thái tâm lý mà nhóm được giao.

- Các nhóm khác quan sát và đoán xem bạn đó đang thể hiện trạng thái tâm lý nào và cùng nhau thảo luận nếu một người luôn ở trạng thái như vậy thì có lợi hay có hại đối với cơ quan thần kinh.

- Kết thúc, GV yêu cầu HS rút ra bài học gì qua hoạt động này.

2.2.4. PP thảo luận nhóm nhỏ:

- *Sử dụng để dạy nội dung kiến thức:* xác định vị trí, đặc điểm cấu tạo chính và vai trò của các hệ cơ quan, vệ sinh hệ cơ quan, chăm sóc và bảo vệ các cơ quan, phòng tránh bệnh tật, vệ sinh môi trường sống, an toàn trong cuộc sống

- *Phương tiện, dụng cụ học tập:*

+ Phiếu học tập, bảng phụ, bút lông, keo dính...

+ Các phương tiện trực quan hỗ trợ (mô hình, tranh ảnh, sơ đồ, băng hình..)

- *Sử dụng theo hướng tích cực*

+ Lựa chọn vấn đề thảo luận phù hợp, gây hứng thú học tập của HS.

+ Chuẩn bị đầy đủ dụng cụ học tập.

+ Hướng dẫn cụ thể các vấn đề thảo luận bằng hệ thống các câu hỏi, hay các “lệnh” học tập.

+ Hướng dẫn các kĩ năng hoạt động trong nhóm

+ Hướng dẫn HS ghi chép khi thảo luận

+ Tổ chức cho HS báo cáo kết quả và rút ra những kết luận.

* **Ví dụ:** TLN nhỏ nêu vai trò của giấc ngủ đối với sức khỏe (bài vệ sinh hệ thần kinh- TNXH lớp 3)

- GV yêu cầu hai HS quay lại với nhau để thảo luận theo gợi ý sau:

+ Theo bạn khi ngủ các cơ quan nào trong cơ thể được nghỉ ngơi?

+ Có khi nào bạn ngủ ít không? Nêu cảm giác của bạn ngay sau đêm đó?

+ Hằng ngày bạn thức dậy và đi ngủ lúc mấy giờ?

+ Nêu những điều kiện để có giấc ngủ tốt?

- Sau đó cho các nhóm nhỏ trình bày cả lớp. Mỗi nhóm HS chỉ trình bày một câu hỏi

- GV rút ra kết luận

2.2.5. Phương pháp trò chơi:

- *Sử dụng để dạy nội dung kiến thức*

Nhận biết và xác định vị trí các hệ cơ quan trong cơ thể, vai trò của các hệ cơ quan, các giác quan, cách chăm sóc và bảo vệ bản thân; về dinh dưỡng, an toàn trong cuộc sống, phòng tránh bệnh tật...

- *Phương tiện, dụng cụ học tập*

+ Các mô hình, tranh câm về cấu tạo cơ thể người...

+ Các sơ đồ, biểu mẫu...

- *Cách sử dụng có hiệu quả*

+ Lựa chọn trò chơi phù hợp với nội dung bài học, với quỹ thời gian, với điều kiện, an toàn và hấp dẫn.

+ Làm cho HS hiểu rõ quy tắc chơi và tôn trọng luật chơi

+ Khuyến khích HS chủ động, sáng tạo, tham gia các khâu của trò chơi: chuẩn bị, tiến hành chơi và đánh giá nhận xét.

- HD học sinh rút ra bài học sau khi chơi trò chơi

* **Ví dụ:** Chơi trò chơi vận động để so sánh mức độ làm việc của tim khi chơi đùa quá sức hay làm việc nặng nhọc với lúc cơ thể được nghỉ ngơi (bài vệ sinh hệ tuần hoàn-TNXH lớp 3)

- Cách tiến hành: tùy theo điều kiện của lớp học, GV có thể cho HS ra sân chơi hoặc cho các em chơi trong lớp.

+ Lúc đầu GV cho HS chơi một trò chơi đòi hỏi vận động ít. Ví dụ: trò chơi “ Con thỏ ăn cỏ, uống nước, vào hang”; chỉ cần người chơi đứng tại chỗ, nghe và làm theo một số động tác tay

+ GV hướng dẫn cách chơi cho HS, làm mẫu và sau đó cho cả lớp chơi. GV có thể tăng tốc trò chơi sau khi thử một vài lần. Nếu HS nào làm sai thì sẽ bị bắt và phạt hát trước lớp một bài hát.

- Sau khi cho HS chơi xong GV hỏi: Các em có thấy nhịp tim và mạch đập của mình nhanh hơn lúc ngồi yên không?

- Sau đó GV có thể cho HS chơi thêm trò chơi hoạt động mạnh như làm các động tác thể dục trong đó có các động tác nhảy.... Sau khi vận động mạnh, GV đặt câu hỏi cho HS thảo luận: So sánh nhịp tim và mạch khi vận động mạnh, nhẹ, và khi nghỉ ngơi.

- Cuối cùng GV rút ra kết luận

2.2.6. Phương pháp vấn đáp

- *Sử dụng để dạy nội dung kiến thức:*

+ Tìm hiểu về vai trò, vị trí, cấu tạo của các cơ quan trong cơ thể người; các bệnh tật và tai nạn thường gặp, cách bảo vệ; vệ sinh phòng bệnh...

+ Sử dụng kết hợp với các phương pháp khác.

- *Phương tiện, dụng cụ học tập:*

+ Bảng phụ ghi các câu hỏi chuẩn bị sẵn.

+ Các phương tiện trực quan hỗ trợ (tranh ảnh, sơ đồ, mô hình..)

- *Cách sử dụng có hiệu quả:*

- Hệ thống câu hỏi phù hợp, logic: Câu hỏi phải rõ ràng, chính xác, ngắn gọn, dễ hiểu; Phù hợp với nội dung bài học và trình độ HS; Gây hứng thú, kích thích tư duy HS.

- Hình thức hỏi phong phú: hỏi bằng lời, hỏi bằng tranh ảnh, hỏi bằng câu đố ...

* **Ví dụ:** Đường đi của máu trên sơ đồ hai vòng tuần hoàn (bài Hoạt động tuần hoàn- TNXH lớp 3)

GV gợi ý để HS nắm được kiến thức bằng những câu hỏi như sau:

- Hãy chỉ từng loại động mạch, tĩnh mạch và mao mạch trên sơ đồ và nêu chức của từng loại mạch đó.

- Chỉ và nói đường đi của máu trong vòng tuần hoàn nhỏ? Vòng tuần hoàn nhỏ có chức năng gì?

- Chỉ và nói đường đi của máu trong vòng tuần hoàn lớn? Vòng tuần hoàn lớn có vai trò gì?

Sau đó GV rút ra kết luận.

2.2.7. Phương pháp thí nghiệm: sử dụng như hình thức cho HS trải nghiệm bản thân và rút ra kết luận

- Sử dụng để dạy nội dung kiến thức:

- + Tìm hiểu vai trò của hệ vận động (cơ, xương, khớp)
- + Tìm hiểu vai trò của các hệ tuần hoàn, hô hấp, tiêu hóa, thần kinh

- *Phương tiện, dụng cụ học tập*: có thể sử dụng băng hình để hỗ trợ

- *Cách sử dụng có hiệu quả*

- + Lựa chọn nội dung cho HS trải nghiệm phù hợp
- + Hướng dẫn kỹ HS cách quan sát.
- + Nên tổ chức thí nghiệm theo nhóm nhỏ
- + Hướng dẫn HS cách ghi chép, trả lời câu hỏi sau thí nghiệm.
- + Hướng dẫn HS báo cáo kết quả, giải thích, so sánh giữa các nhóm và tự rút ra kết luận.

* **Ví dụ:** Biết nghe nhịp đập của tim và đếm số mạch đập (bài Hoạt động tuần hoàn- TNXH lớp 3)

- GV hướng dẫn HS làm theo cặp :

- + Áp tai vào ngực của bạn để nghe tim đập và đếm số nhịp đập của tim trong một phút.
- + Đặt ngón trỏ và ngón giữa của bàn tay phải lên cổ tay trái của mình hoặc tay trái của bạn, đếm số mạch đập trong một phút.

+ Gọi một số HS lên làm mẫu cho cả lớp

- Sau đó GV đặt câu hỏi:

- + Các em nghe thấy gì khi áp tai vào ngực của bạn mình?
- + Khi đặt ngón tay lên cổ tay mình hoặc bạn em cảm thấy gì?

- Sau đó GV rút ra kết luận nội dung của bài học.

2.2.8. Phương pháp giảng giải:

- *Sử dụng để dạy nội dung kiến thức*

+ Cấu tạo và vai trò của các cơ quan trong cơ thể (những kiến thức khó và mới đối với học sinh)

+ Sự sinh sản ở người (những kiến thức khó như quá trình thụ tinh, sự phát triển của phôi..)

+ Cơ chế sinh bệnh của một số bệnh thường gặp.

+ Cách sơ cứu một số tai nạn thường gặp

- *Phương tiện, dụng cụ học tập*

Các phương tiện trực quan hỗ trợ (tranh ảnh, sơ đồ, mô hình..)

- *Cách sử dụng có hiệu quả*

- + Trước khi giảng giải nên nêu vấn đề nhằm kích thích tư duy HS.
- + Lời giảng ngắn gọn, dễ hiểu, rõ ràng, mạch lạc.
- + Xen kẽ với giảng giải nên sử dụng những câu hỏi vấn đáp gợi mở.

* **Ví dụ:** Tìm hiểu về các thành phần cấu tạo của các bộ phận hệ thần kinh và chức năng của chúng (Bài cơ quan thần kinh – TNXH lớp 3)

GV kết hợp giữa phương pháp thảo luận nhóm nhỏ và giảng giải.

- Yêu cầu HS quan sát sơ đồ cơ quan thần kinh ở hình 1 và 2 trang 26-27 SGK và trả lời theo gợi ý:

- + Chỉ và nói tên các bộ phận của cơ quan thần kinh trên sơ đồ?
- + Trong các cơ quan đó cơ quan nào được bảo vệ bởi hộp sọ, cơ quan nào bảo vệ tủy sống?
- + Sau đó yêu cầu các nhóm chỉ vị trí của não và tủy sống trên cơ thể mình.
- GV treo cơ quan thần kinh phóng to lên bảng hay có thể dùng đoạn phim thể hiện và yêu cầu HS quan sát và chỉ lại lần nữa trên mô hình.
- GV vừa chỉ vào hình vẽ vừa giảng giải: từ não và tủy sống có các dây thần kinh tỏa đi khắp nơi cấu cơ thể. Từ các cơ quan bên trong cơ thể (tuần hoàn, hô hấp, bài tiết...) và các cơ quan bên ngoài (mắt, tai, mũi, da...) của cơ thể lại có các dây thần kinh đi đến não và tủy sống. Như vậy cơ quan thần kinh gồm có não bộ nằm trong hộp sọ, tủy sống nằm trong cột sống và các dây thần kinh.

2.3. Các hình thức tổ chức dạy học:

- Hầu hết các bài có nội dung về con người và sức khỏe có thể dạy học trên lớp và tổ chức theo nhóm nhỏ, cá nhân hoặc dạy học đồng loạt cả lớp. Cụ thể như: từng cá nhân có thể theo dõi sự hoạt động của các giác quan, các hệ cơ quan của cơ thể mình, nhận biết vị trí và nêu nhiệm vụ của chúng và trao đổi với các bạn bè trong nhóm về những hiểu biết của mình về hoạt động của các cơ quan đó.

- Có nhiều phần giáo viên phải thảo luận cả lớp hoặc cần có sự trình bày và giảng giải của GV như về hệ thần kinh, sự sinh sản ở người...

- Một số bài có thể tổ chức dạy học ngoài lớp như các bài về mắt, tai, hoạt động, vận động.... Trong tiết học có thể tổ chức hình thức dạy học theo nhóm nhỏ hoặc dạy đồng loạt cả lớp

Bài tập: Mỗi nhóm SV chọn một bài chủ đề Con người và sức khỏe lớp 1,2,3, 4,5, lập kế hoạch dạy học và thực hiện dạy thử theo hướng phát huy tính tích cực của HS.

3. HƯỚNG DẪN LÀM VÀ SỬ DỤNG ĐỒ DÙNG DẠY HỌC CHỦ ĐỀ CON NGƯỜI VÀ SỨC KHỎE

Mục tiêu:

- Củng cố lại các kiến thức đã học, vận dụng kiến thức vào thực tiễn.
- Rèn luyện kỹ năng, thao tác làm đồ dùng dạy học, kỹ năng quan sát, kỹ năng thiết kế và rèn luyện được tính cẩn thận, óc tư duy- sáng tạo, biết cách sử dụng các vật dễ kiếm rẽ tiền để làm đồ dùng dạy học.
- Biết cách vận dụng các loại đồ dùng dạy học theo mục tiêu bài học.

3.1. Vai trò của đồ dùng dạy học trong dạy học môn TN-XH:

Trước đây, người ta quan niệm đồ dùng dạy học chỉ là phương tiện minh họa cho lời giảng của giáo viên. Ngày nay, đồ dùng dạy học được coi là phương tiện giúp GV tổ chức và điều khiển hoạt động nhận thức của học sinh, phương tiện phát triển tư duy.

Đồ dùng dạy học giúp cho HS dễ dàng nhận ra các đặc điểm bên ngoài và cả những thuộc tính bên trong của sự vật, hiện tượng; giúp HS tìm tòi, phát hiện kiến thức, góp phần phát triển tư duy của HS.

Cùng với sự phát triển kinh tế-xã hội ở nước ta, đồ dùng dạy học, đặc biệt là các thiết bị Nghe- Nhìn đang càng ngày trở thành công cụ đắc lực trong dạy học của người giáo viên.

Đồ dùng dạy học thực sự là điều kiện cần và đủ giúp giáo viên thiết kế hoạt động học tập cho HS, để HS có cơ hội tự mình phát hiện ra kiến thức giúp đổi mới phương pháp dạy học theo hướng tích cực hóa hoạt động học tập, chủ động nhận thức của người học. Sử dụng đồ dùng dạy học trong quá trình dạy học có tác dụng làm giảm sự phụ thuộc của HS vào lời giảng của giảng viên, do đó góp phần đổi mới phương pháp học một cách có hiệu quả.

Chương trình môn học Tự nhiên và Xã hội có tỷ trọng kiến thức khoa học tự nhiên (thuộc các môn khoa học thực nghiệm) cao, do vậy đòi hỏi trong dạy học môn Tự nhiên và Xã hội nhất thiết phải có đồ dùng dạy học.

Trong dạy học môn Tự nhiên và Xã hội, đồ dùng dạy học là phương tiện dạy học rất quan trọng, thể hiện trên ba mặt:

- Là nguồn cung cấp kiến thức
- Là phương tiện nâng cao năng lực tư duy
- Là phương tiện rèn luyện năng lực thực hành

3.2. Nội dung: Hướng dẫn SV làm các đồ dùng dạy học nhằm phục vụ dạy tốt các bài này như sau: sơ đồ hai vòng tuần hoàn máu bằng xốp, mô hình hệ tiêu hóa ở người, mô hình hệ thần kinh

Cách tiến hành:

a. Dụng cụ- thiết bị: yêu cầu HS chuẩn bị các loại vật dụng cần thiết khi làm mô hình như:

- Ván ép, nẹp gỗ hoặc tre .
- Xốp màu (xanh, và đỏ) hoặc có thể dùng xốp trắng thì cần có dùng màu để sơn.
- Keo dán hai mặt, kéo cắt, đinh nhỏ.

b. Hướng dẫn cách làm:

- Sử dụng một hình vẽ chuẩn ở SGK để làm mẫu.
- Cắt xốp theo sơ đồ mẫu ở SGK (yêu cầu: cần chính xác, đẹp)
- Gắn các bộ phận đã cắt theo sơ đồ chuẩn lên giá gỗ.
- Làm các phần chú thích và gắn lên mô hình.
- Chỉnh sửa, trang trí để hoàn chỉnh mô hình.

* Sau khi hoàn thiện mô hình cần phải biết cách bảo quản hoặc trưng bày ở phòng thực hành hay lớp học.

BÀI THỰC HÀNH SỐ 1

SOẠN GIÁO ÁN VÀ TẬP DẠY CÁC BÀI CÓ NỘI DUNG KIẾN THỨC VỀ CON NGƯỜI VÀ SỨC KHỎE

I. Mục tiêu:

- Củng cố các loại kiến thức lý thuyết đã học.
- Biết lựa chọn, vận dụng các loại kiến thức đã học vào bài dạy cho phù hợp với đối tượng HS.
- Rèn luyện kỹ năng soạn bài, kỹ năng khai thác và vận dụng các phương pháp dạy học.
- Rèn luyện kỹ năng trình bày trước tập thể và luyện tập các kỹ năng cần thiết của người thầy trong tương lai.

II. Nội dung: *Thực hành soạn giáo án và tập dạy 3 bài có nội dung về con người và sức khỏe ở TNXH lớp 3*

Bài 1 : Hoạt động thở và cơ quan hô hấp

Bài 2: Máu và cơ quan tuần hoàn máu

Bài 3: Hoạt động thần kinh

Cách tiến hành:

Bước 1: GV giao bài cho SV về soạn theo mẫu giáo án ở trên. Mỗi cá nhân SV phải tự thiết kế giáo án của mình, chuẩn bị các tranh ảnh, mô hình có liên quan đến nội dung bài dạy và đưa vào bài dạy theo mục đích của mình.

Bước 2: Cho SV tập dạy theo nhóm và các nhóm tự nhận xét, góp ý.

Bước 3: Chọn một số cá nhân ở mỗi nhóm dạy trước lớp, cả lớp góp ý

Bước 4: GV rút kinh nghiệm, so sánh giữa các hình thức và PPDH ở các nhóm khác nhau và nhận xét bài soạn và tập dạy của SV.

Ví dụ: Soạn giáo án và tập dạy bài “Hoạt động thần kinh” ở TNXH lớp 3.

I. Mục tiêu:

- Phân tích được các hoạt động phản xạ
- Nêu được một vài ví dụ về phản xạ tự nhiên thường gặp trong đời sống.
- Thực hành một số phản xạ đơn giản.

II. Đồ dùng dạy học: các hình trong sách giáo khoa trang 28, 29.

III. Hoạt động dạy học:

Hoạt động 1: Cho HS làm việc với SGK

* Mục tiêu:

- Phân tích được hoạt động phản xạ.
- Nêu được một vài ví dụ về những phản xạ thường gặp trong đời sống.

* Cách tiến hành:

Bước 1: làm việc theo nhóm nhỏ

Yêu cầu các nhóm nhỏ quan sát hình 1a,1b ở SGK và trả lời các câu hỏi sau:

- Điều gì xảy ra khi ta chạm tay vào vật nóng?
- Bộ phận nào của cơ quan thần kinh đã điều khiển tay ta rút lại khi chạm vào vật nóng?
- Hiện tượng tay chạm vào vật nóng và rút lại là hiện tượng gì?

Bước 2: Làm việc cả lớp

- GV treo tranh cơ quan thần kinh phóng to lên bảng yêu cầu một số HS lên bảng chỉ trên sơ đồ các bộ phận của cơ quan thần kinh, nói rõ đâu là não, đâu là tủy sống, các dây thần kinh và GV nhấn mạnh não được hộp sọ vững chắc bảo vệ, tủy sống được cột sống bảo vệ.

- GV giảng giải dựa vào tranh: từ não và tủy sống có các dây thần kinh tỏa đi khắp nơi trong cơ thể. Từ các cơ quan bên trong (tuần hoàn, hô hấp, bài tiết...) và các cơ quan bên ngoài (mắt, da, tai...) có các dây thần kinh đi đến não và tủy sống.

- Sau đó GV kết luận: Cơ quan thần kinh gồm não, tủy sống và các dây thần kinh.

Hoạt động 2: thảo luận

* Mục tiêu: Nêu được vai trò của não, tủy sống, các dây thần kinh và các giác quan.

* Cách tiến hành:

Bước 1: Vấn đáp

- Khi các em ngồi học nghe cô giảng bài các em đã sử dụng các giác quan nào?

- Khi ghi chép bài các em đã sử dụng các giác quan nào?

Bước 2: Thảo luận nhóm

Yêu cầu các nhóm đọc mục bạn cần biết trang 27 SGK và liên hệ thực tế trả lời các câu hỏi sau:

- Não và tủy sống có vai trò gì?

- Nêu vai trò của các dây thần kinh và giác quan?

- Điều gì xảy ra khi não, tủy sống, các dây thần kinh hay một giác quan nào đó bị hỏng? Nêu ví dụ thực tế trong cuộc sống?

Bước 3: làm việc cả lớp

- Đại diện các nhóm trình bày kết quả thảo luận của nhóm mình. Mỗi nhóm chỉ trình bày một câu hỏi, các nhóm khác nhận xét và góp ý.

- GV kết luận:

+ Não và tủy sống là trung ương thần kinh điều khiển mọi hoạt động của các cơ quan trong cơ thể và đảm bảo sự thống nhất giữa cơ thể với môi trường.

+ Một số loại dây thần kinh dẫn luồng thần kinh từ các cơ quan trong cơ thể về não và tủy sống. Một số dây khác lại dẫn luồng thần kinh từ não đến các cơ quan.

IV. Củng cố: Sử dụng câu hỏi trắc nghiệm để củng cố bài.

V. Dặn dò: học bài, chuẩn bị nội dung bài tiếp theo.

TÓM TẮT NỘI DUNG CỦA CHƯƠNG 1

1) Khi học xong chương này SV cần đạt được: củng cố lại các kiến thức về vấn đề con người và sức khỏe; rèn luyện kỹ năng thực hành, TLN, quan sát, trình bày, thiết kế bài dạy, sử dụng các PPDH phù hợp với nội dung.

2) Các loại kiến thức có trong chủ đề:

+ Vị trí, hình dạng, cấu tạo ngoài của cơ thể người, cấu tạo các hệ cơ quan của người.

+ Hoạt động của các cơ quan và hệ cơ quan trong cơ thể

+ Vệ sinh cơ thể, vệ sinh các cơ quan, phòng tránh bệnh tật liên quan đến các hệ cơ quan.

+ Trao đổi chất của cơ thể người, dinh dưỡng, phòng bệnh và an toàn trong cuộc sống.

+ Sự sinh sản và phát triển của cơ thể người, vệ sinh cơ thể HS gái, trai, phòng bệnh, an toàn trong cuộc sống.

3) Đưa ra các PPDH phù hợp với từng nội dung của chủ đề và nêu được những ví dụ minh họa phù hợp cho từng PP:

Có thể vận dụng một cách linh hoạt các phương pháp sau đây để dạy các bài có nội dung về con người và sức khỏe tùy thuộc vào nội dung kiến thức của bài học và điều kiện dạy học của từng trường.

- Phương pháp quan sát

- Phương pháp đóng vai

- Phương pháp trò chơi

- Phương pháp thảo luận

- Phương pháp thí nghiệm

- Phương pháp hỏi đáp

- Phương pháp giảng giải

- Phương pháp thực hành

4) Hướng dẫn các bước làm và sử dụng đồ dùng dạy học: cần phải nêu được mục tiêu của đồ dùng dạy học, vai trò của đồ dùng dạy học trong giảng dạy và nội dung cần thực hiện để làm một loại đồ dùng dạy học.

5) Hướng dẫn SV các bước lập kế hoạch dạy học:

Bước 1: GV giao bài cho SV về soạn theo mẫu giáo án ở trên. Mỗi cá nhân SV phải tự thiết kế giáo án của mình, chuẩn bị các tranh ảnh, mô hình có liên quan đến nội dung bài dạy và đưa vào bài dạy theo mục đích của mình.

Bước 2: Cho SV tập dạy theo nhóm và các nhóm tự nhận xét, góp ý.

Bước 3: Chọn một số cá nhân ở mỗi nhóm dạy trước lớp, cả lớp góp ý

Bước 4: GV rút kinh nghiệm, so sánh giữa các hình thức và PPDH ở các nhóm khác nhau và nhận xét bài soạn và tập dạy của SV.

Thực hành soạn và tập dạy 3 bài có nội dung về con người và sức khỏe ở chương trình TNXH của tiểu học, nêu ra một ví dụ cụ thể để SV tham khảo.

CÂU HỎI ÔN TẬP CHƯƠNG 1

1. Hãy nêu những mục tiêu về kiến thức, kĩ năng và thái độ trong dạy học các bài có nội dung về con người và sức khỏe?

2. Tóm tắt kiến thức ở các bài có nội dung về con người và sức khỏe ở chương trình TNXH ở tiểu học?

3. Có thể vận dụng những PPDH và hình thức tổ chức dạy học nào trong dạy học các bài có nội dung con người và sức khỏe?

4. Hãy nêu các loại kiến thức về nội dung con người và sức khỏe có thể vận dụng PP vấn đáp? Nêu ví dụ cụ thể? Cách sử dụng theo hướng tích cực?

5. Hãy nêu các loại kiến thức về nội dung con người và sức khỏe có thể vận dụng PP TLN? Nêu ví dụ cụ thể? Cách sử dụng theo hướng tích cực?

6. Hãy nêu các loại kiến thức về nội dung con người và sức khỏe có thể vận dụng PP thực hành? Nêu ví dụ cụ thể? Cách sử dụng theo hướng tích cực?

7. Hãy nêu các loại kiến thức về nội dung con người và sức khỏe có thể vận dụng PP điều tra? Nêu ví dụ cụ thể? Cách sử dụng theo hướng tích cực?

8. Hãy nêu các loại kiến thức về nội dung con người và sức khỏe có thể vận dụng PP giảng giải? Nêu ví dụ cụ thể? Cách sử dụng theo hướng tích cực?

9. Hãy nêu các loại kiến thức về nội dung con người và sức khỏe có thể vận dụng PP đóng vai? Nêu ví dụ cụ thể? Cách sử dụng theo hướng tích cực?

10. Hãy nêu các loại kiến thức về nội dung con người và sức khỏe có thể vận dụng PP quan sát? Nêu ví dụ cụ thể? Cách sử dụng theo hướng tích cực?

11. Nêu cách sử dụng các PPDH và HTTCDDH trong dạy học các bài có nội dung con người và sức khỏe ?

12. Hãy nêu các bước tiến hành làm đồ dùng dạy học? Vai trò của đồ dùng dạy học trong giảng dạy TNXH?

13. Những điều cần chú ý khi soạn và giảng các bài có nội dung về con người và sức khỏe trong chương trình TNXH?

HƯỚNG DẪN TÀI LIỆU HỌC TẬP

Tìm tài liệu, Website có liên quan như:

1) Tạ Thúy Lan, Trần Thị Loan. Giải phẫu sinh lý người. NXB ĐHSPT năm 2004.

2) Bùi Phương Nga, Lương Thị Vân, Nguyễn Thị Tường Loan, Đoàn Văn Hưng. Tự nhiên xã hội và phương pháp dạy học ở TNXH ở tiểu học. NXBGD năm 2006.

- 3) Bùi Phương Nga, Lê Thị Thu Dinh, Đoàn Thị My, Nguyễn Tuyết Nga- TNXH lớp 3. NXBGD năm 2008.
- 4) Bùi Phương Nga, Lương Việt Thái. Khoa học lớp 4. NXB GD năm 2008
- 5) Bùi Phương Nga, Lương Việt Thái. Khoa học lớp 5- Sách giáo viên. NXB GD năm 2006.
- 6) Bùi Phương Nga, Lê Thị Thu Dinh, Nguyễn Tuyết Nga- Sách giáo viên TNXH lớp 4. NXBGD năm 2007

Chương 2

HƯỚNG DẪN DẠY HỌC CÁC BÀI CÓ NỘI DUNG VỀ THỰC VẬT, ĐỘNG VẬT, MÔI TRƯỜNG VÀ TÀI NGUYÊN

Mục tiêu: Học xong chương này SV đạt được

- Về kiến thức :

- + Hiểu được mục tiêu dạy học các bài có nội dung về Thực vật, Động vật, Môi trường và tài nguyên
- + Phân tích chương trình và nắm được các mạch nội dung kiến thức chính của các bài có nội dung về Thực vật, Động vật, Môi trường và tài nguyên.
- + Biết vận dụng các phương pháp và hình thức tổ chức dạy học để lập kế hoạch bài học và dạy các bài có nội dung về Thực vật, Động vật, Môi trường và tài nguyên

- **Về kĩ năng:** SV được rèn luyện các kĩ năng
- + Phân tích chương trình nội dung môn học
- + Lập kế hoạch bài học và dạy học các bài có nội dung về Thực vật, Động vật, Môi trường và tài nguyên

- **Về thái độ:**

Hình thành ý thức lao động nghề nghiệp nghiêm túc, lòng say mê nghề dạy học.

Nội dung :

1. HƯỚNG DẪN DẠY HỌC CÁC BÀI CÓ NỘI DUNG VỀ THỰC VẬT

1.1 Mục tiêu : Học xong các bài có nội dung về thực vật học sinh đạt được:

a. Về kiến thức: HS có được các kiến thức sau

- Biết tên một số thực vật phổ biến, lợi ích hay tác hại của chúng
- Biết được sự đa dạng phong phú của thực vật và môi trường sống của chúng
- Mô tả sơ lược hình thái ngoài và nêu những chức năng chủ yếu của các bộ phận chính của cây xanh

- Trình bày được một cách khái quát sự trao đổi chất ở thực vật

- Trình bày được một cách khái quát sự sinh sản ở thực vật.

b. Về kĩ năng:

- Hình thành và phát triển kĩ năng quan sát, mô tả .
- Rèn kĩ năng thực hành, tìm kiếm mẫu vật, lắp đặt và tiến hành thí nghiệm đơn giản tìm hiểu về thực vật

- Rèn kĩ năng trình bày, đặt câu hỏi...

c. Về thái độ

- Hình thành lòng yêu thiên nhiên, yêu thế giới thực vật, chăm sóc và bảo vệ thực vật.

- Hình thành ý thức bảo vệ môi trường sống của thực vật và con người

1.2. Các loại kiến thức:

* Các bài có nội dung về thực vật trong chương trình Tự nhiên và Xã hội của tiểu học có các nhóm kiến thức sau:

1. Hình thái, cấu tạo ngoài cơ thể thực vật và các bộ phận cơ thể thực vật
2. Chức năng của các cơ quan và hoạt động sinh lí của các cơ quan của cơ thể thực vật: Rễ, thân, lá, hoa, quả, sự hô hấp, sự quang hợp, sự sinh sản, sự trao đổi chất của thực vật.
- 3- Môi trường sống và vai trò của thực vật

* Nội dung kiến thức về thực vật trong chương trình Tự nhiên và Xã hội ở các lớp như sau:

Bảng tóm tắt nội dung kiến thức phần thực vật trong chủ đề Tự nhiên:

| L ớp | Nội dung kiến thức |
|-----------------------|---|
| 1 | Một số cây phổ biến (tên gọi, đặc điểm, ích lợi hay tác hại) |
| 2 | Thực vật sống ở khắp nơi trên trái đất: trên mặt đất và trong đất, trong nước, không khí, cơ thể động vật và thực vật khác. |
| 3 | Đặc điểm cấu tạo cơ thể thực vật (các bộ phận chính của cây xanh) |

| | |
|---|---|
| 4 | Sự trao đổi chất của thực vật với môi trường: nhu cầu của thực vật về các chất, sơ đồ sự trao đổi chất của cây xanh với môi trường; vai trò của cây xanh đối với sự sống trên trái đất. |
| 5 | Sự sinh sản của cây xanh: cơ quan sinh sản; trồng cây bằng hạt, thân, lá, rễ. |

1.3. Một số phương pháp dạy học và hình thức tổ chức dạy học có thể vận dụng để dạy các bài có nội dung về thực vật

1.3.1. Các phương pháp dạy học: Có thể vận dụng một cách linh hoạt các phương pháp sau đây để dạy các bài có nội dung về Thực vật tùy thuộc vào nội dung kiến thức của bài học và điều kiện dạy học của trường.

- Phương pháp quan sát
- Phương pháp trò chơi
- Phương pháp thí nghiệm
- Phương pháp giảng giải
- Phương pháp điều tra
- Phương pháp thảo luận
- Phương pháp hỏi đáp
- Phương pháp thực hành

* *Đọc các thông tin sau và lập bảng PPDH các bài về Thực vật:*

| PPDH | Sử dụng dạy loại kiến thức | Phương tiện dạy học | Sử dụng dạy học theo hướng tích cực |
|----------------|----------------------------|---------------------|-------------------------------------|
| 1. PP quan sát | | | |
| | | | |

1.3.1.1. Phương pháp quan sát:

* *Có thể sử dụng là phương pháp chủ đạo để dạy nội dung kiến thức:*

- Giới thiệu về các loại cây: cây rau, cây hoa.....
- Đặc điểm của thân, rễ, lá, hoa, quả, hạt;
- Môi trường sống của thực vật.

* *Phương tiện trực quan, dụng cụ học tập:*

- Các cây tươi sống, tranh SGK, môi trường thiên nhiên, sơ đồ, tranh vẽ; mẫu vật thật về thân, rễ, lá, hoa, quả, hạt; mẫu ngâm, mẫu nhồi, mẫu khô về các bộ phận của cây; băng hình về đời sống, môi trường sống của thực vật.

- Các phương tiện hỗ trợ quan sát: kính lúp, kính hiển vi

Cách sử dụng có hiệu quả:

- Chọn đối tượng quan sát phù hợp, chuẩn bị tốt phương tiện, mẫu vật..
- Tổ chức cho HS quan sát theo cá nhân hoặc nhóm nhỏ
- Hướng dẫn cho HS cách quan sát, ghi chép, trả lời câu hỏi sau khi quan sát.
- Hướng dẫn học sinh tự rút ra bài học qua quan sát.

VD: Bài Hoa (lớp 3), GV yêu cầu HS đem các loài hoa thật đến lớp, GV chuẩn bị một số loài hoa như hoa Dâm bụt, hoa loa kèn, hoa Bàu, Bí, Cúc... và GV chuẩn bị một số tranh về hoa.

GV có thể tổ chức cho HS quan sát hoa thật theo nhóm nhỏ, bằng một hệ thống câu hỏi trong phiếu học tập GV hướng dẫn HS quan sát:

- Hoa mà em quan sát có tên gọi là gì?

- Hoa có màu gì? Có mùi thơm hay không?
- Hoa có kích thước lớn hay nhỏ?
- Hoa có những bộ phận nào?

Sau đó, GV cho đại diện các nhóm trình bày về kết quả quan sát được và nhận xét, bổ sung. GV có thể cho HS quan sát thêm tranh để các em dễ nhận biết các bộ phận của hoa.

1.3.1.2. Phương pháp thảo luận nhóm

* *Có thể sử dụng là phương pháp chủ đạo để dạy nội dung kiến thức:*

- Ích lợi của cây rau, cây hoa, cây gỗ...
- Vai trò của các bộ phận của cây xanh (thân, rễ, lá...)
- Bảo vệ môi trường sống của cây xanh.
- Tìm hiểu về sự giống nhau, khác nhau của một số loài cây về đặc điểm của thân, rễ, lá, các loại hoa, các loại quả...

* *Phương tiện, dụng cụ học tập:*

- Phiếu học tập, bảng phụ, bút lông, keo dính...
- Các phương tiện trực quan hỗ trợ (mẫu vật, tranh ảnh, sơ đồ, băng hình..)

* *Cách sử dụng có hiệu quả:*

- Lựa chọn vấn đề thảo luận phù hợp, gây hứng thú.
- Chuẩn bị đầy đủ dụng cụ học tập.
- Hướng dẫn cụ thể các vấn đề thảo luận bằng hệ thống các câu hỏi, hay các “lệnh” học tập.
- Hướng dẫn các kỹ năng hoạt động trong nhóm
- Hướng dẫn HS ghi chép khi thảo luận
- Tổ chức cho HS báo cáo kết quả và rút ra những kết luận.

VD: Bài Cây Hoa (lớp 1): Khi dạy phần lợi ích của cây hoa, GV cho HS thảo luận nhóm nhỏ (4HS) với câu hỏi:

- Hãy nêu các lợi ích của cây hoa?
- Làm thế nào để chăm sóc và bảo vệ cây hoa?

HS thảo luận và sau đó đại diện các nhóm lên trình bày về các lợi ích của cây hoa, cách bảo vệ và chăm sóc cây hoa. Các nhóm khác bổ sung và nhận xét. GV hướng dẫn HS rút ra kết luận bài học.

1.3.1.3. Phương pháp vấn đáp

* *Sử dụng là phương pháp chủ đạo để dạy nội dung kiến thức:*

- Tìm hiểu về vai trò của các bộ phận cây xanh, ích lợi các loại cây, đời sống và môi trường sống của thực vật.

* *Kết hợp với các phương pháp khác như:* phương pháp trực quan, phương pháp thực hành, thí nghiệm....

* *Phương tiện, dụng cụ học tập:*

- Bảng phụ ghi các câu hỏi chuẩn bị sẵn, bảng ghi câu trả lời của học sinh...
- Các phương tiện trực quan hỗ trợ (tranh ảnh, sơ đồ, mô hình..)

* *Cách sử dụng có hiệu quả:*

- Hệ thống câu hỏi phù hợp, logic, có tính tìm tòi phát huy sáng tạo của HS:
- + Câu hỏi phải rõ ràng, chính xác, ngắn gọn, dễ hiểu.
- + Phù hợp với nội dung bài học và trình độ HS.

+ Gây hứng thú, kích thích tư duy HS.

- Hình thức hỏi phong phú: hỏi bằng lời, hỏi bằng tranh ảnh, hỏi bằng câu đố ...

VD:- Để HS phân biệt được hoa thụ phấn nhờ sâu bọ và thụ phấn nhờ côn trùng, GV đặt câu hỏi:

+ Kể tên một số hoa thụ phấn nhờ côn trùng và một số hoa thụ phấn nhờ sâu bọ mà bạn biết?

+ Bạn có nhận xét gì về màu sắc hoặc hương thơm của hoa thụ phấn nhờ côn trùng và hoa thụ phấn nhờ gió?

- Để HS nhận biết các loài hoa, GV có thể hỏi dưới dạng câu đố:

Hoa gì chỉ nở vào hè

Từng chùm đỏ thắm gọi ve hát mừng

1.3.1.4. Phương pháp thí nghiệm:

* *Sử dụng là phương pháp chủ đạo để dạy nội dung kiến thức:*

- Tìm hiểu vai trò của thân, rễ, lá của cây

- Tìm hiểu nhu cầu của thực vật và động vật về các yếu tố: nước, ánh sáng, độ ẩm, không khí...

- Tìm hiểu về các hoạt động trao đổi chất của thực vật: trao đổi nước, muối khoáng, quang hợp, hô hấp...

- Tìm hiểu về các hình thức sinh sản của thực vật: sinh sản bằng thân, rễ, lá; sinh sản bằng hạt...

* *Phương tiện, dụng cụ học tập*

- Các dụng cụ thí nghiệm

- Các mẫu vật thí nghiệm

* *Cách sử dụng có hiệu quả*

- Lựa chọn TN phù hợp

- Chuẩn bị dụng cụ, mẫu vật đầy đủ.

- Hướng dẫn kĩ HS cách lắp đặt, tiến hành TN, quan sát TN.

- Nên tổ chức TN theo nhóm nhỏ

- Hướng dẫn HS cách ghi chép, trả lời câu hỏi sau TN.

- Hướng dẫn HS báo cáo kết quả, giải thích, so sánh giữa các nhóm và tự rút ra kết luận.

VD: Trong bài 57: Thực vật cần gì để sống? (Khoa học lớp 4): Trước tiết học khoảng 2 tuần, GV hướng dẫn cho HS làm thí nghiệm theo nhóm nhỏ (4HS) trồng 5 cây đậu trong các điều kiện khác nhau (như SGK hướng dẫn) và theo dõi sự phát triển của 5 cây đậu. Trong tiết học, GV đặt câu hỏi để hướng dẫn HS rút ra kết luận về điều kiện sống của thực vật:

+ Trong 5 cây đậu trên, cây nào sống và phát triển bình thường? Tại sao?

+ Những cây khác như thế nào? Tại sao cây đó phát triển không bình thường và chết rất nhanh?

+ Nêu những điều kiện để cây sống và phát triển bình thường?

1.2.2.5. Phương pháp thực hành:

Sử dụng để dạy các kiến thức:

- Thực hành quan sát các loài cây có ở địa phương.

- Thực hành bóc tách và quan sát cấu tạo của hoa, quả, hạt

- TH gieo hạt , trồng cây , giâm cành.

Phương tiện, dụng cụ học tập:

- Các dụng cụ thực hành
- Các mẫu vật

Cách sử dụng có hiệu quả:

- Lựa chọn nội dung thực hành phù hợp
- Chuẩn bị dụng cụ, mẫu vật đầy đủ.
- Hướng dẫn kĩ HS cách tiến hành .
- Nên tổ chức thực hành theo nhóm nhỏ
- Hướng dẫn HS cách ghi chép, trả lời câu hỏi trong phiếu học tập
- Hướng dẫn HS báo cáo kết quả, giải thích, so sánh giữa các nhóm và tự rút ra kết luận.

VD: Để HS mô tả được cấu tạo của hạt (trong bài 53- Cây con mọc lên từ hạt- Khoa học lớp 5), GV cho HS thực hành tìm hiểu cấu tạo của hạt. Mẫu vật là các loại hạt như đậu xanh, đậu đen, hạt lạc, hạt ngô, hạt bầu, bí, hạt cam, chanh...do GV và HS chuẩn bị trước. GV hướng dẫn cho HS cách bóc, tách vỏ hạt và quan sát các bộ phận bên trong hạt. Có thể tổ chức cho HS thực hành theo nhóm nhỏ hoặc nhóm đôi. Sau khi thực hành, các HS báo cáo kết quả, các HS khác bổ sung và rút ra kết luận:

Hạt gồm: Vỏ, phôi và chất dinh dưỡng dự trữ

1.2.2.6. Phương pháp trò chơi:

Sử dụng để dạy nội dung kiến thức

- + Nhận biết một số các loại cây rau, cây hoa, cây gỗ.... gần gũi quen thuộc.
- + củng cố các kiến thức về các bộ phận của cây, về sự sinh sản của thực vật, sự trao đổi chất của thực vật...

Phương tiện, dụng cụ học tập

- Các mẫu thật về các loại cây, hoa, quả...(gồm mẫu tươi, mẫu ngâm, mẫu ép khô)
- Các bức tranh về cây rau, cây hoa, các loại hoa quả ...
- Ti vi, đầu đĩa, băng đĩa về các loài thực vật
- Các sơ đồ về cấu tạo của hoa, quả, hạt; sơ đồ về sự trao đổi chất, sự sinh sản của thực vật...
- Máy vi tính, đèn chiếu đa năng

Cách sử dụng có hiệu quả

- Lựa chọn trò chơi phù hợp với nội dung bài học, với quỹ thời gian, với điều kiện, và an toàn, hấp dẫn.
- GV chuẩn bị kỹ kế hoạch tổ chức trò chơi, cơ sở vật chất
- Làm cho HS hiểu rõ quy tắc chơi và tôn trọng luật chơi
- Khuyến khích HS chủ động, sáng tạo, tham gia các khâu của trò chơi: chuẩn bị, tiến hành chơi và đánh giá nhận xét.
- Hướng dẫn học sinh rút ra bài học sau khi chơi trò chơi.

VD: Trò chơi “ Ghép chữ vào hình” nhằm củng cố cho HS kiến thức về sự thụ phấn, thụ tinh của thực vật có hoa

Bước 1: HS chơi ghép chữ vào hình cho phù hợp theo nhóm: GV phát cho các nhóm sơ đồ sự thụ phấn của hoa lưỡng tính và các thẻ từ có ghi sẵn chú thích. HS các nhóm thi đua gắn các chú thích vào hình cho phù hợp. Nhóm nào làm xong thì gắn bài của mình lên bảng.

Bước 2: Làm việc cả lớp: từng nhóm giới thiệu sơ đồ của mình sau khi ghép chữ; GV nhận xét kết quả và xếp thi đua cho các nhóm, khen ngợi tuyên dương các nhóm làm việc tốt.

1.2.2.7. Phương pháp điều tra:

Sử dụng để dạy nội dung kiến thức

- Liên hệ thực tế địa phương tìm hiểu về các loại cây rau, cây hoa, cây gỗ ... quen thuộc ở địa phương.

- Điều tra về tình hình trồng trọt các loại cây trồng ở địa phương.

- Tìm hiểu về môi trường sống của thực vật ở địa phương

Phương tiện, dụng cụ học tập

- Sổ tay hoặc các phiếu để ghi chép

- Các máy chụp hình hoặc ghi âm (nếu có)

Cách sử dụng có hiệu quả

- Hướng dẫn HS điều tra theo đúng quy trình

- Giao nhiệm vụ thu thập thông tin cho nhóm nhỏ.

- Hướng dẫn HS thu thập thông tin ở đâu? như thế nào? khi nào? một cách cụ thể

- Hướng dẫn HS cách ghi chép, sưu tầm thông tin, phân tích, xử lý thông tin...

VD: Khi học bài “Các loài cây sống trên cạn”, GV có thể giao nhiệm vụ cho các nhóm HS điều tra về các loài cây sống trên cạn ở địa phương. Đến tiết học trên lớp, đại diện các nhóm báo cáo kết quả điều tra của nhóm mình, cùng thảo luận về đặc điểm và lợi ích của các loài cây sống trên cạn, từ đó rút ra bài học.

1.2.2.8. Phương pháp giảng giải:

Sử dụng để dạy nội dung kiến thức

- Lợi ích, môi trường sống và đời sống các loài thực vật, các bộ phận của thực vật (những kiến thức khó và mới đối với học sinh)

- Sự trao đổi chất của thực vật (những kiến thức khó như sự quang hợp, hô hấp của thực vật...)

)

- Sự sinh sản của thực vật (những kiến thức khó như quá trình thụ phấn, thụ tinh..)

Phương tiện, dụng cụ học tập

- Các phương tiện trực quan hỗ trợ (tranh ảnh, sơ đồ, mô hình..)

Cách sử dụng có hiệu quả

- Trước khi giảng giải nên nêu vấn đề nhằm kích thích tư duy HS.

- Lời giảng ngắn gọn, dễ hiểu, rõ ràng, mạch lạc.

- Xen kẽ với giảng giải nên sử dụng những câu hỏi vấn đáp gợi mở.

1.3.1. Hình thức tổ chức dạy học

- Hầu hết các bài có nội dung về thực vật có thể dạy học trên lớp và tổ chức theo nhóm nhỏ, cá nhân hoặc dạy học đồng loạt cả lớp.

- Một số bài có thể tổ chức dạy học ngoài thiên nhiên (ở sân trường, vườn trường, trại chăn nuôi gần trường...) như bài: Thực vật sống ở đâu? Hoặc bài: Các loại cây sống trên cạn (SGK Tự nhiên và Xã hội lớp 2)... Trong tiết học có thể tổ chức hình thức dạy học theo nhóm nhỏ hoặc dạy đồng loạt cả lớp.

- Nếu trường ở gần thảo cầm viên hoặc trang trại... thì khi học xong các bài có nội dung về Thực vật nên tổ chức cho HS đi tham quan. Có thể kết hợp với các phần có nội dung kiến thức về Động vật, Tài nguyên và môi trường để buổi tham quan có hiệu quả cao hơn.

Tóm lại: trong dạy học các bài có nội dung kiến thức về Thực vật có thể vận dụng nhiều phương pháp và hình thức tổ chức dạy học nhưng cần lựa chọn PP DH cho phù hợp với nội dung kiến thức, phối hợp một cách linh hoạt các PPDH và HTTC dạy học, đảm bảo sao cho HS hứng thú trong học tập, suy nghĩ nhiều, đóng góp ý kiến nhiều, tự rút ra và hiểu được kiến thức bài học.

Bài tập: Mỗi nhóm SV chọn một bài có nội dung về Thực vật lớp 1,2,3, 4,5, lập kế hoạch dạy học và thực hiện dạy thử theo hướng phát huy tính tích cực của HS.

2. HƯỚNG DẪN DẠY HỌC CÁC BÀI CÓ NỘI DUNG VỀ ĐỘNG VẬT

2.1 Mục tiêu : Học xong các bài có nội dung về động vật học sinh đạt được:

a. Về kiến thức: HS có được các kiến thức sau

- Biết tên một số loài ĐV phổ biến, lợi ích hay tác hại của chúng
- Biết được sự đa dạng phong phú của ĐV và môi trường sống của chúng
- Mô tả sơ lược hình thái ngoài và nêu những chức năng chủ yếu của các bộ phận trên cơ thể ĐV
- Trình bày được một cách khái quát sự trao đổi chất ở ĐV
- Trình bày được một cách khái quát sự sinh sản ở ĐV .

b. Về kỹ năng:

- Hình thành và phát triển kỹ năng quan sát, mô tả .
- Rèn kỹ năng thực hành, tìm kiếm mẫu vật, lắp đặt và tiến hành thí nghiệm đơn giản tìm hiểu về ĐV
- Rèn kỹ năng trình bày, đặt câu hỏi, TLN...

c. Về thái độ

- Hình thành lòng yêu thiên nhiên, yêu thế giới ĐV, chăm sóc và bảo vệ ĐV.
- Hình thành ý thức bảo vệ môi trường sống của ĐV và con người

2.2. Các loại kiến thức: chủ đề này gồm các loại kiến thức chủ yếu sau:

- Hình dạng, cấu tạo ngoài của các động vật.
- Môi trường sống của động vật
- Ích lợi và tác hại của động vật trong đời sống con người
- Các hoạt động sống của động vật: vận chuyển, hô hấp, bắt mồi, trao đổi chất, sinh sản

Bảng tóm tắt nội dung kiến thức phần động vật trong chủ đề:

| L ớp | Nội dung kiến thức |
|---------|---|
| 1, 2, 3 | Đặc điểm cấu tạo ngoài, môi trường sống, hoạt động sống, ích lợi và tác hại của một số đại diện ĐVKXS và ĐVCXS. |
| 4 | Ảnh hưởng của các nhân tố vô sinh lên đời sống ĐV(trao đổi chất ở động vật) |
| 5 | Sự sinh sản ở ĐV |

2.3. Một số phương pháp và hình thức tổ chức dạy học các bài có nội dung về ĐV:

* *Đọc các thông tin sau và lập bảng PPDH các bài về Động vật:*

| PPDH | Sử dụng dạy loại kiến thức | Phương tiện dạy học | Sử dụng dạy học theo hướng tích cực |
|----------------|-----------------------------------|----------------------------|--|
| 1. PP quan sát | | | |
| | | | |

2.3.1. Phương pháp: Có thể sử dụng các PP tương tự như dạy các bài có nội dung về thực vật:

2.3.1.1. PP quan sát:

- *Dạy các kiến thức về:* hình thái cấu tạo ngoài, các bộ phận của con vật; hoạt động sống, về sự trao đổi chất ở ĐV.

- *Phương tiện quan sát:* mẫu vật thật, tranh vẽ các bộ phận của động vật, sơ đồ, mô hình, mẫu ngâm, mẫu nhồi...

- *Sử dụng theo hướng tích cực:* Có đủ phương tiện trực quan, HS tự lực quan sát theo hướng dẫn của GV. GV có hệ thống câu hỏi, các lệnh yêu cầu HS thực hiện nhiệm vụ. GV hướng dẫn cho HS rút ra kết luận. Kết hợp với PP thảo luận, hỏi đáp.

Ví dụ: Chỉ và nói được tên của các bộ phận cơ thể của các con chim được quan sát

(Bài 53- Chim – TNXH lớp 3)

- Làm việc theo nhóm: yêu cầu HS quan sát các con chim trong SGK trang 102, 103 và ảnh các con chim sưu tầm được. Nhóm trưởng điều khiển các bạn thảo luận theo các câu hỏi sau:

+ Chỉ và nói tên các bộ phận bên ngoài của những con chim có trong hình. Nhận xét về độ lớn của chúng. Loài nào biết bay? Loài nào bơi? Loài nào chạy nhanh?

+ Bên ngoài cơ thể chim thường có gì bảo vệ? Màu sắc như thế nào?

+ Mỏ chim có đặc điểm gì chung? Chúng dùng mỏ để làm gì?

+ Quan sát chân các loại chim? Tìm những đặc điểm khác giữa chúng?

- Làm việc theo cả lớp :

+ Đại diện các nhóm lên trình bày, nhận xét, bổ sung.

+ GV rút ra kết luận.

2.3.1.2. PP trò chơi:

- *Dạy các loại kiến thức về:* nhận biết hình dạng ngoài, tiếng kêu, tập tính, hoạt động của các con vật.

- Phương tiện, dụng cụ học tập

+ Các mô hình, tranh câm về cấu tạo cơ thể của một số loài vật thường gặp...

+ Các sơ đồ, biểu mẫu...

+ Một số đoạn phim về hoạt động sống của các loài vật

- *Sử dụng theo hướng tích cực*

+ Lựa chọn trò chơi phù hợp với nội dung bài học, với quỹ thời gian, với điều kiện, an toàn và hấp dẫn.

+ Làm cho HS hiểu rõ quy tắc chơi và tôn trọng luật chơi

+ Khuyến khích HS chủ động, sáng tạo, tham gia các khâu của trò chơi: chuẩn bị, tiến hành chơi và đánh giá nhận xét.

+ Hướng dẫn học sinh rút ra bài học sau khi chơi trò chơi

Ví dụ: Ở phần ĐV lớp 3 có thể tổ chức cho HS chơi trò chơi “ Đố bạn con gì”

- Chuẩn bị: GV phân công một số em vẽ các con vật đã học vào tờ giấy A4 (chỉ cần vẽ các nét đơn giản). Khi chơi một bạn điều khiển giữ toàn bộ tranh của các con vật đó.

- Cách chơi: lần lượt cho từng người và cả lớp. Bạn được chọn chơi sẽ được người điều khiển gắn lên lưng hình của một con vật mà bạn đó không nhìn thấy. Bạn chơi sẽ được đặt 5 câu hỏi và cả lớp sẽ trả lời. Nếu chưa đến 5 câu hoặc đủ 5 câu mà bạn đã đoán trúng tên con vật thì sẽ là người chiến thắng. Nếu không đoán được thì bạn là người thua cuộc.

- Sau đó GV rút ra nhận xét và kết luận

2.3.1.3.. PP điều tra:

- *Dạy các loại kiến thức về:* nhận biết các loài ĐV nuôi ở địa phương. Ích lợi và tác hại và môi trường sống của chúng.

- *Phương tiện và dụng cụ học tập:* tranh ảnh, mô hình và một số đoạn phim mô tả hoạt động và môi trường sống của một số loài ĐV thường gặp.

- *Cách sử dụng có hiệu quả:*

+ Lựa chọn nội dung từng bài học phù hợp để giao cho HS.

+ Hướng dẫn cho HS cách quan sát, ghi lại các số liệu

+ Đưa mẫu phiếu học tập cụ thể, rõ ràng cho từng nội dung

+ Hướng dẫn học sinh trình bày kết quả và rút ra bài học sau khi điều tra

Ví dụ: Bài Thú ở TNXH lớp 3.

- Chuẩn bị: GV thiết lập mẫu phiếu và giao cho HS điều tra về các loại thú nuôi trong gia đình của HS hay trong gia đình người quen mà em biết.

| STT | Tên loài thú | Tác dụng | Mô tả sơ lược đặc điểm cấu tạo ngoài |
|-----|--------------|----------|--------------------------------------|
| 1 | | | |
| 2 | | | |

- Đầu tiết học GV kiểm tra sự trả lời của HS ở các phiếu, sau đó tổ chức hoạt động cả lớp. Gọi một số HS trình bày kết quả điều tra của mình và cả lớp nhận xét rút ra kết luận về đặc điểm, tác dụng của các loài thú nuôi trong nhà.

2.3.1.4. PP thí nghiệm:

- *Dạy loại kiến thức:* tìm hiểu tập tính của con vật, sự trao đổi chất của động vật...

- *Phương tiện, dụng cụ học tập:*

+ Các dụng cụ thực hành: bộ tranh và mô hình cấu tạo của một số loài ĐV như cá chép, mèo, gà, giun, ốc sên....

+ Các mô hình, mẫu vật thật

+ Các đoạn phim mô phỏng

- *Cách sử dụng có hiệu quả:*

+ Lựa chọn nội dung thí nghiệm phù hợp

+ Chuẩn bị dụng cụ, mẫu vật đầy đủ.

+ Hướng dẫn kĩ HS cách tiến hành .

+ Nên tổ chức thí nghiệm theo nhóm nhỏ

+ Hướng dẫn HS cách ghi chép, trả lời câu hỏi trong phiếu học tập

+ Hướng dẫn HS báo cáo kết quả, giải thích, so sánh giữa các nhóm và tự rút ra kết luận.

*** Ví dụ: Bài 62- Khoa học lớp 4- Động vật cần gì để sống**

Cách làm thí nghiệm chứng minh vai trò của nước, thức ăn, không khí, ánh sáng đến đời sống động vật

- Bước 1: trình bày cách tiến hành thí nghiệm ĐV cần gì để sống.

GV nhắc lại thí nghiệm chứng minh cây cần gì để sống.

Sau đó đi vào nội dung bài mới là ĐV cần gì để sống

- Bước 2: Tổ chức và hướng dẫn

+ Chia nhóm

+ Sau đó yêu cầu HS làm việc theo thứ tự sau:

Đọc mục quan sát trang 124 SGK để xác định điều kiện sống của 4 con chuột trong thí nghiệm

Nêu nguyên tắc của thí nghiệm

Đánh dấu vào phiếu theo dõi điều kiện sống của từng con và thảo luận để nêu kết quả.

- Bước 3: GV yêu cầu một vài nhóm nhắc lại công việc các em đã làm và GV điền ý kiến của các em vào bảng:

| Chuột sống ở hộp | Điều kiện được cung cấp | Điều kiện thiếu |
|------------------|-------------------------|-----------------|
| 1 | | |
| 2 | | |

Sau đó GV nhận xét và kết luận

2.3.1.5. PP thảo luận nhóm nhỏ:

- *Sử dụng để dạy nội dung kiến thức:* xác định tên gọi, đặc điểm cấu tạo chính, vai trò, tác hại, môi trường sống và hoạt động của ĐV

- *Phương tiện, dụng cụ học tập:*

+ Phiếu học tập, bảng phụ, bút lông, keo dính...

+ Các phương tiện trực quan hỗ trợ (mô hình, tranh ảnh, sơ đồ, băng hình..)

- *Sử dụng theo hướng tích cực*

+ Lựa chọn vấn đề thảo luận phù hợp, gây hứng thú học tập của HS.

+ Chuẩn bị đầy đủ dụng cụ học tập.

+ Hướng dẫn cụ thể các vấn đề thảo luận bằng hệ thống các câu hỏi, hay các “lệnh” học tập.

+ Hướng dẫn các kỹ năng hoạt động trong nhóm

+ Hướng dẫn HS ghi chép khi thảo luận

+ Tổ chức cho HS báo cáo kết quả và rút ra những kết luận sau thảo luận.

***Ví dụ:** Nêu tên các bộ phận trên cơ thể của các loài thú được quan sát(Bài 54- Thú- TNXH lớp 3)

Cho HS TLN nhỏ theo bàn, quan sát hình các loài thú trong nhà trang 104, 105 SGK và các hình sưu tầm được. Thảo luận và trả lời các câu hỏi sau:

- Kể tên các loài thú mà em biết? Nhà em có nuôi loài thú nào?

- Con nào có tai vểnh, mõm dài, mắt híp?

- Con nào có thân hình vạm vỡ, sừng cong như lưỡi liềm?

- Con nào có thân hình to lớn, có sừng, có u vai, chân cao?

- Thú mẹ nuôi thú con bằng gì?...

Sau đó cho làm việc cả lớp và rút ra kết luận

2.3.1.6. Phương pháp vấn đáp

- *Sử dụng để dạy nội dung kiến thức:*

+ Tìm hiểu về vai trò, hoạt động, môi trường sống của các loài ĐV, ích lợi và tác hại của chúng...

+ Sử dụng kết hợp với các phương pháp khác.

- *Phương tiện, dụng cụ học tập:*

+ Bảng phụ ghi các câu hỏi chuẩn bị sẵn.

+ Các phương tiện trực quan hỗ trợ (tranh ảnh, sơ đồ, mô hình..)

- *Cách sử dụng có hiệu quả:*

- Hệ thống câu hỏi phù hợp, logic: Câu hỏi phải rõ ràng, chính xác, ngắn gọn, dễ hiểu; phù hợp với nội dung bài học và trình độ HS; gây hứng thú, kích thích tư duy HS.

- Hình thức hỏi phong phú: hỏi bằng lời, hỏi bằng tranh ảnh, hỏi bằng câu đố ...

* **Ví dụ:** Dạy phần kiến thức về nhận biết các loài cá (bài 52- Cá- TNXH lớp 3)

GV sử dụng phối hợp với phương pháp quan sát.

Yêu cầu HS quan sát hình vẽ ở sách giáo khoa hoặc hình phóng to để trả lời các câu hỏi sau:

- Chỉ và nói tên các con cá trong hình. Nhận xét về độ lớn của chúng?

- Bên ngoài cơ thể cá được bao bọc bằng gì? Bên trong chúng có xương sống không?

- Cá sống ở đâu? Chúng thở bằng gì? Di chuyển bằng gì?

- Hãy kể tên một số loài cá mà em biết?

- Màu sắc của các loài cá có khác nhau không?

Sau khi vấn đáp HS, GV yêu cầu cả lớp trả lời câu hỏi: Nêu đặc điểm chung của cá? GV rút ra kết luận.

2.3.1.7. Phương pháp giảng giải:

- *Sử dụng để dạy nội dung kiến thức*

+ Sự trao đổi chất ở ĐV (những kiến thức khó và mới đối với học sinh)

+ Ảnh hưởng của các nhân tố vô sinh đến đời sống ĐV.

- *Phương tiện, dụng cụ học tập*

Các phương tiện trực quan hỗ trợ (tranh ảnh, sơ đồ, mô hình..)

- *Cách sử dụng có hiệu quả*

+ Trước khi giảng giải nên nêu vấn đề nhằm kích thích tư duy HS.

+ Lời giảng ngắn gọn, dễ hiểu, rõ ràng, mạch lạc.

+ Xen kẽ với giảng giải nên sử dụng những câu hỏi vấn đáp gợi mở.

+ Sử dụng các tranh vẽ, mô hình kết hợp trong lúc giảng giải để HS dễ tiếp thu.

* **Ví dụ:** Bài Côn trùng- TNXH lớp 3

Để giúp HS hiểu được ích lợi và tác hại của côn trùng thì GV nên sử dụng PP quan sát kết hợp với giảng giải

- Yêu cầu HS quan sát các hình ảnh về các loại côn trùng ở SGK trang 96-97. GV hỏi

+ Hãy nêu các thành phần cấu tạo cơ thể mà các em quan sát được?

+ Ruồi, muỗi hay đốt động vật và người bằng bộ phận nào?

+ Kể một số loài có lợi và có hại?...

- Sau đó GV giải thích thêm về ích lợi và tác hại của các loại côn trùng và hướng dẫn cho HS cách tiêu diệt các loài có hại

2.3.2. Các hình thức tổ chức dạy học:

- Hầu hết các bài có nội dung về động vật có thể dạy học trên lớp và tổ chức theo nhóm nhỏ, cá nhân hoặc dạy học đồng loạt cả lớp. Cụ thể như: từng cá nhân có thể theo dõi đặc điểm cấu tạo hay sự vận động của các động vật, nhận biết các loài vật qua tiếng kêu và trao đổi với các bạn bè trong nhóm về những hiểu biết của mình về hoạt động loài động đó...

- Có nhiều phần giáo viên phải thảo luận cả lớp hoặc cần có sự trình bày và giảng giải của GV như về ảnh hưởng của các nhân tố vô sinh đến đời sống của động vật...

- Một số bài có thể tổ chức dạy ở phòng thí nghiệm như các bài sự hoạt động của giun đất, ốc sên... Trong tiết học có thể tổ chức hình thức dạy học theo nhóm nhỏ hoặc dạy đồng loạt cả lớp.

Bài tập: Mỗi nhóm SV chọn một bài các bài có nội dung về Động vật lớp 1,2,3, 4,5, lập kế hoạch dạy học và thực hiện dạy thử theo hướng phát huy tính tích cực của HS.

3. HƯỚNG DẪN DẠY HỌC CÁC BÀI CÓ NỘI DUNG VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ TÀI NGUYÊN

3.1. Mục tiêu của chủ đề: Sau khi học xong chủ đề, học sinh có được:

a. Về kiến thức

- Biết được khái niệm ban đầu về môi trường và tài nguyên thiên nhiên và vai trò của môi trường và tài nguyên thiên nhiên đối với đời sống con người và mọi sinh vật.

- Biết được những tác động của con người đến môi trường

- Một số biện pháp bảo vệ môi trường

b. Về kỹ năng :

- Hình thành các kỹ năng hành động bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên

c. Về thái độ

- Ý thức gương mẫu thực hiện nếp sống văn minh, vệ sinh môi trường, bảo vệ tài nguyên thiên nhiên của đất nước.

3.2. Các nhóm kiến thức có trong chủ đề

- Khái niệm về môi trường và tài nguyên

- Vai trò của môi trường và tài nguyên đối với đời sống con người và mọi sinh vật.

- Tác động của con người đến môi trường

- Các biện pháp bảo vệ môi trường

* Nội dung kiến thức về Môi trường và tài nguyên:

Chủ đề Môi trường và tài nguyên được phân bố trong chương trình Khoa học ở lớp 5, cụ thể có nội dung kiến thức như sau:

| Bài | Nội dung kiến thức |
|-----|--|
| 62 | Khái niệm về môi trường; một số thành phần của môi trường địa phương nơi HS sống. |
| 63 | Khái niệm về tài nguyên, một số loại tài nguyên ở nước ta, ích lợi của tài nguyên thiên nhiên. |
| 64 | Vai trò của môi trường tự nhiên đối với đời sống con người, tác động của con người đối với tài nguyên thiên nhiên và môi trường. |
| 65 | Tác động của con người đến môi trường rừng, tác hại của việc phá rừng |
| 66 | Tác động của con người đến môi trường đất |

| | |
|----|---|
| 67 | Tác động của con người đến môi trường không khí và nước |
| 68 | Một số biện pháp bảo vệ môi trường |

3.3. Phương pháp dạy học

* *Đọc các thông tin sau và lập bảng PPDH các bài về Môi trường và tài nguyên:*

| PPDH | Sử dụng dạy loại kiến thức | Phương tiện dạy học | Sử dụng dạy học theo hướng tích cực |
|----------------|----------------------------|---------------------|-------------------------------------|
| 1. PP quan sát | | | |
| | | | |

a. Phương pháp quan sát:

- Sử dụng phương pháp quan sát trong dạy học một số nội dung kiến thức của chủ đề như:
 - + Khái niệm ban đầu về môi trường và tài nguyên, những tác động có hại và có lợi của con người đến môi trường, giới thiệu một số biện pháp bảo vệ môi trường...
- Các phương tiện trực quan có thể là: Môi trường, tài nguyên thật bên ngoài trường; tranh, ảnh, băng hình về môi trường và tài nguyên thiên nhiên và về các hoạt động của con người có tác động đến môi trường (tác động tích cực và tiêu cực), tranh ảnh về các biện pháp bảo vệ môi trường.
- Cách sử dụng có hiệu quả: GV có thể tổ chức cho HS quan sát theo nhóm nhỏ, có các phiếu học tập để hướng dẫn cho HS quan sát và thảo luận. Sau khi quan sát, HS cần thảo luận trả lời các câu hỏi trong phiếu học tập, từ đó rút ra kiến thức của bài học.

VD: Khi hình thành cho HS khái niệm ban đầu về Tài nguyên thiên nhiên, GV có thể tổ chức cho HS quan sát các hình ảnh trong SGK, một số ảnh GV tự chụp hoặc sưu tầm trên mạng Internet... về một số tài nguyên thiên nhiên như thác nước, gió, dầu mỏ, than đá... để phát hiện ra các tài nguyên thiên nhiên được thể hiện trong mỗi hình và công dụng của mỗi tài nguyên đó.

b. Phương pháp thảo luận nhóm:

- Phương pháp thảo luận nhóm có thể sử dụng dạy học các nội dung chủ yếu như: vai trò của môi trường và tài nguyên đối với con người và sinh vật; các biện pháp bảo vệ môi trường. Hoặc cũng có thể kết hợp với các phương pháp khác như kết hợp với phương pháp quan sát, phương pháp trò chơi, phương pháp đóng vai... để dạy các kiến thức mới.
- Cách sử dụng có hiệu quả:
 - + Khi lựa chọn các vấn đề cho HS thảo luận cần chú ý chọn các vấn đề “mở”, từ dễ đến khó.
 - + GV cần có những câu hỏi có tính chất gợi mở giúp HS thảo luận đúng hướng vì những nội dung về môi trường và tài nguyên tuy có liên quan đến thực tế nhiều nhưng là kiến thức mới (các lớp khác chưa học) và tương đối rộng đối với vốn kiến thức của HS.
 - + Cần có những phương tiện trực quan hỗ trợ cho HS quan sát khi thảo luận.
 - + Cần theo dõi, giúp đỡ khuyến khích HS trong quá trình thảo luận.

VD: khi dạy về “Vai trò của môi trường tự nhiên đối với đời sống con người”, GV tổ chức cho HS thảo luận nhóm hoàn thành phiếu học tập sau:

PHIẾU HỌC TẬP

| |
|---|
| <i>Những yếu tố mà môi trường tự nhiên cung cấp cho đời sống con người:</i> |
| |
| |

- Sau khi GV giao việc, nhóm trưởng điều khiển cho các thành viên trong nhóm thảo luận, đưa ra các ý kiến, trao đổi và thống nhất về những yếu tố mà môi trường tự nhiên đã cung cấp cho đời sống của con người.
- Thư kí ghi kết quả làm việc của nhóm vào phiếu học tập
- Đại diện các nhóm trình bày kết quả thảo luận của nhóm mình, các nhóm khác bổ sung
- GV nêu câu hỏi cho HS tổng kết về những yếu tố mà môi trường tự nhiên đã cung cấp cho đời sống của con người, từ đó GV hướng dẫn HS rút ra kết luận về vai trò của môi trường tự nhiên đối với đời sống của con người.

c. Phương pháp điều tra:

- Phương pháp điều tra có thể sử dụng để dạy các kiến thức về: Tác động của con người đến môi trường đất, không khí, nước (những tác động có lợi và có hại); Tài nguyên thiên nhiên của địa phương và tình hình khai thác, sử dụng...
- Cách sử dụng có hiệu quả:
 - + Lựa chọn vấn đề điều tra phải phù hợp với nội dung bài học và trình độ của HS
 - + Giao nhiệm vụ cho các nhóm HS và tập huấn cho các nhóm những kỹ năng điều tra cơ bản như kỹ năng quan sát, ghi chép, phỏng vấn, xử lý số liệu.

VD: Khi dạy bài ‘Tác động của con người đến môi trường rừng’, GV có thể giao cho HS điều tra về vấn đề:

“ Tình hình khai thác gỗ và phá rừng ở địa phương em? Con người khai thác gỗ và phá rừng để làm gì? Từ đó nêu những nguyên nhân khiến rừng bị phá?”

Trước khi đến tiết học (trước đó một khoảng thời gian 3 ngày đến 1 tuần), GV giao nhiệm vụ cho các nhóm, hướng dẫn các nhóm điều tra, viết báo cáo. Trong tiết học, GV yêu cầu các nhóm trình bày kết quả điều tra, các nhóm khác bổ sung, thảo luận và thống nhất ý kiến, rút ra nội dung kiến thức của bài học.

d. Phương pháp thực hành

- Phương pháp thực hành thường được sử dụng để dạy về các biện pháp bảo vệ môi trường, nhằm hình thành và khắc sâu kiến thức về biện pháp bảo vệ môi trường, rèn luyện kỹ năng hành động bảo vệ môi trường và ý thức tự giác bảo vệ môi trường cho HS.
 - Cách sử dụng có hiệu quả:
 - + Chọn nội dung thực hành gắn liền với nội dung bài học, không quá khó và không quá dễ
 - + Lựa chọn thời gian thích hợp, có thể kết hợp với các buổi lao động hoặc ngoại khóa
 - + Lập kế hoạch chi tiết, hướng dẫn cho HS thực hành và rút ra bài học
 - Một số nội dung thực hành như: thực hành vệ sinh lớp học, trường học; trồng và chăm sóc cây xanh trong sân trường; lao động gom rác thải ở một số nơi công cộng như vườn hoa, công viên, bãi biển...

VD: GV tổ chức cho HS lao động trồng và chăm sóc cây xanh trong vườn trường và sân trường: bắt sâu, nhổ cỏ.... Sau buổi thực hành GV hướng dẫn cho HS rút ra bài học về biện pháp bảo vệ môi trường bằng các câu hỏi :

- Việc trồng cây xanh có tác dụng như thế nào đến bảo vệ môi trường?
- Việc bắt sâu cho cây mà không dùng thuốc trừ sâu thì có tác dụng gì đến bảo vệ môi trường?

e. Phương pháp đóng vai:

- Có thể sử dụng phương pháp đóng vai để dạy các kiến thức về: vai trò của môi trường đối với đời sống con người; tác động của con người đến môi trường đất, không khí và nước; các biện pháp bảo vệ môi trường.

- Để sử dụng phương pháp này có hiệu quả, GV cần:

+ Lựa chọn trước các tình huống có liên quan đến bài học, chuẩn bị kỹ các điều kiện cho HS đóng vai (có thể giao một số dụng cụ cho HS chuẩn bị)

+ Hướng dẫn cho HS thảo luận để phân công các vai diễn, lời thoại...

+ Quy định sự thi đua để khuyến khích HS tham gia tích cực.

- Một số tình huống có thể đóng vai như: HS bị viêm đường hô hấp do khí bụi đến khám bác sĩ; tầm gương hành động tốt bảo vệ môi trường, việc nên làm và không nên làm để bảo vệ môi trường....

h. Phương pháp trò chơi học tập

- Phương pháp trò chơi có thể sử dụng để khắc sâu kiến thức cho HS về vai trò của môi trường và tài nguyên đối với đời sống con người, khái niệm về môi trường và tài nguyên thiên nhiên, các biện pháp bảo vệ môi trường....

- Một số trò chơi có thể sử dụng như: Giải ô chữ, thi kể về các biện pháp bảo vệ môi trường, nói về các việc không nên làm và nên làm để bảo vệ môi trường....

3.4. Hình thức tổ chức dạy học

- Đối với các bài có nội dung kiến thức khái niệm về môi trường và tài nguyên và vai trò của môi trường đối với đời sống con người nên dạy trên lớp và có thể tổ chức học tập theo nhóm là chủ yếu, cũng có thể yêu cầu các cá nhân làm bài tập hoặc đôi khi cần giảng giải cho cả lớp về một vấn đề mới và khó nào đó về môi trường. Phân công cho các nhóm HS sưu tầm tranh ảnh về môi trường, thảo luận và báo cáo những hiểu biết về môi trường...

- Đối với kiến thức về tác động của con người đến môi trường và các biện pháp bảo vệ môi trường nên kết hợp hình thức dạy trên lớp với tổ chức cho học sinh học ở ngoài lớp hoặc tham quan ngoài trường, nhằm giúp HS có được những kiến thức thực tế về môi trường và tài nguyên thiên nhiên.

* **Tóm lại:** Trong dạy học các bài về chủ đề Môi trường và tài nguyên, GV cần lựa chọn các phương pháp và hình thức tổ chức dạy học phù hợp với nội dung bài học; sử dụng các phương pháp và HTTC dạy học theo hướng phát huy tính tích cực của HS, kết hợp các phương pháp dạy học một cách linh hoạt để đạt được mục tiêu dạy học

Bài tập: Mỗi nhóm SV chọn một bài chủ đề Môi trường và tài nguyên lớp 5, lập kế hoạch dạy học và thực hiện dạy thử theo hướng phát huy tính tích cực của HS.

3.5. HƯỚNG DẪN LÀM VÀ SỬ DỤNG ĐỒ DÙNG DẠY HỌC CÁC BÀI CÓ NỘI DUNG VỀ ĐỘNG VẬT, THỰC VẬT, MÔI TRƯỜNG VÀ TÀI NGUYÊN

1. Một số loại đồ dùng dạy học chủ yếu trong dạy học các bài có nội dung về thực vật, động vật, môi trường và tài nguyên:

1.1. Vật thật và mẫu vật:

a. Vật thật:

Gồm: Cây và các bộ phận của cây; hộp khoáng sản, các sản phẩm của dầu mỏ...

b. Mẫu vật:

Bao gồm một số loại:

- Mẫu vật ngâm: Các bộ phận của cây như thân, rễ, lá, hoa, quả, hạt được ngâm trong dung dịch chống phân hủy
- Mẫu vật ép khô: hoa, lá ép khô

1.2. Tranh ảnh

Tranh ảnh là loại đồ dùng dạy học được sử dụng rất phổ biến trong dạy học các bài về thực vật, môi trường và tài nguyên, vì khi thiếu vật thật hoặc không thể sử dụng vật thật thì thường thay thế bằng tranh ảnh.

Tranh ảnh về thực vật gồm: tranh ảnh về các loài cây, các bộ phận của cây, môi trường sống của cây, tác dụng của thực vật đối với đời sống con người;

Tranh ảnh về môi trường và tài nguyên: tranh ảnh về rừng, biển, sông hồ, tranh ảnh về môi trường bị tàn phá, tranh ảnh về các biện pháp bảo vệ môi trường; tranh ảnh về các tài nguyên thiên nhiên và sự khai thác tài nguyên thiên nhiên.

1.3. Dụng cụ thí nghiệm:

Bao gồm: các loại cốc thủy tinh, đèn cồn, chậu trồng cây, các ống nhựa, các bình thủy tinh...

1.4. Sơ đồ, bảng tổng kết, các phiếu học tập

- Để đơn giản hóa kiến thức hoặc vạch ra mối liên hệ giữa các kiến thức, GV thường dùng các sơ đồ.

VD: sơ đồ cấu tạo nhụy và nhị, sơ đồ về sự trao đổi khí ở thực vật

- Các bảng tổng kết có tác dụng tóm tắt kiến thức hoặc hệ thống hóa kiến thức sau bài học hoặc một chủ đề
- Để hướng dẫn và giao việc cho HS, GV thường dùng các phiếu học tập. Phiếu học tập ghi các lệnh, những yêu cầu và các chỉ dẫn của GV đối với HS, dựa vào đó HS tự hoạt động học tập để tìm ra kiến thức bài học.

1.5. Các phương tiện Nghe –Nhìn:

Các phương tiện Nghe –Nhìn thường dùng trong dạy học chủ đề thực vật ; môi trường và tài nguyên là:

- Kính lúp: là một thấu kính lồi giúp ta nhìn được các vật nhỏ như nhị hoa, nhụy hoa, gân lá, các rễ cây nhỏ, cánh hoa nhỏ...
- Kính hiển vi: là dụng cụ quang học giúp ta nghiên cứu cấu trúc vi mô của mọi vật. Kính hiển vi thường có độ phóng đại từ 20 đến 2000 lần, nhờ đó có thể quan sát được các cấu trúc nhỏ bé của thực vật như hạt phấn, lông hút của rễ, lục lạp ...
- Phim đèn chiếu, đầu đĩa, tivi, các băng đĩa, máy vi tính, máy chiếu đa năng: các phương tiện này cho HS xem được các hình ảnh tĩnh, hình ảnh động, phim video ... của thực vật và môi trường. HS được quan sát các sự vật hiện tượng trong thiên nhiên mà chúng không thể hoặc khó có thể quan sát trực tiếp được.

2. Hướng dẫn tự làm số loại đồ dùng dạy học chủ yếu trong dạy học các bài có nội dung về thực vật, môi trường và tài nguyên

2.1. Làm mẫu vật ép thực vật

Để tiến hành làm các mẫu ép thực vật, GV cần tiến hành những công việc sau:

a. Chuẩn bị dụng cụ, vật liệu, hóa chất:

- Dụng cụ và vật liệu:

+ Dụng cụ thu thập mẫu vật: 2 tấm gỗ mỏng có bề dày 3- 4mm hoặc 2 miếng bìa các tông cứng kích thước 40cm x 45cm/tấm. Trên tấm bìa (gỗ) có 2 hàng lỗ nhỏ song song nhau, mỗi hàng 2 lỗ, luôn sợi dây to qua 4 lỗ trên để làm dây đeo.

+ Dụng cụ ép mẫu vật: 2 tấm gỗ dày, cũng có kích thước 40cmx45cm, có thể thiết kế đầu của mỗi tấm gỗ có ốc vít để có thể xiết chặt 2 tấm gỗ khi ép.

Nếu không có 2 tấm gỗ có thể dùng 2 tấm phen tre đan. Có thể dùng vật nặng đè lên 2 tấm phen khi ép, thay cho việc thiết kế ốc vít.

+ Dụng cụ sửa mẫu ép: Khi hoàn chỉnh mẫu vật có thể tra bớt chi tiết, xếp đặt lại vị trí và gắn những chi tiết đã rời ra, cắt lát các chi tiết có bề dày quá lớn. Dụng cụ gồm: dao, kéo, kim, chỉ, hồ dán đã tẩm hóa chất chống sâu bọ.

+ Nhãn ghi chú các mẫu vật: các mẫu giấy kích thước 2cm x 4 cm, 6cm x 9 cm.

+ Một số giấy trang trí mẫu vật và giấy bồi (thấm nước) để lót hoặc ép mẫu vật (có thể thay giấy bồi bằng giấy báo cũ)

+Dụng cụ làm khô mẫu vật: Sau khi thu thập các mẫu thực vật ngoài thiên nhiên cần tiến hành làm khô, trước khi trang trí mẫu vật trên các bảng giấy.

Thường có 4 cách làm khô mẫu vật:

- Dùng cặp gỗ dày ép các mẫu vật

- Phơi khô

- Ép nóng bằng bàn là

- Dùng tủ sấy, với nhiệt độ từ 50 đến 60 độ C

- Hóa chất: Sau khi làm khô mẫu vật để bảo quản lâu dài người ta thường phun lên mẫu vật một số dung dịch để chống sự xâm nhập của các sâu bọ có hại.

Dung dịch thường được sử dụng để xử lý mẫu là: DDT có nồng độ 5% hay sunfat đồng 2% hoặc rượu trắng.

Sau đó lại ép và tiếp tục làm khô.

b. Cách làm mẫu vật ép:

Mẫu vật ép thường làm trong trường Tiểu học là những mẫu về thực vật: Toàn bộ một cây hoặc một số bộ phận của cây.

- Cách lấy mẫu: Người ta thường lấy mẫu thực vật vào những ngày nắng để làm mẫu vật mau khô.

Những mẫu vật thường được lấy cả cây hoặc từng bộ phận. Dù là loại nào, người đi lấy mẫu vật phải dự kiến các mẫu đó có thể trình bày trên một khổ giấy thường có kích thước 28cm x 40cm, các mẫu vật đặt lên giấy thường các mép từ 2cm-3cm.

Giới thiệu một số cách trình bày mẫu trên giấy:

+ Nếu mẫu lớn: Mẫu vật là cả cây, lớn hơn nhiều so với khổ giấy, vẫn có thể lấy làm mẫu được nếu xếp chiều dài cây gấp khúc hoặc có thể cắt ra từng phần, sau đó sắp xếp lại.

Trong khi thu lượm mẫu cần chọn lọc và tỉa bớt các bộ phận phụ: Nếu cành có nhiều lá, hoa, nụ... dày đặc có thể tỉa bớt để sự trình bày sau này vẫn đầy đủ và rõ ràng nhưng không rườm rà.

Đặt xem kẽ các mẫu vật với giấy bồi thấm nước, xếp trong dụng cụ thu thập. Sau đó, luôn một dây đeo vào trong dây đeo còn trong dây đeo còn lại, rút mạnh đầu dây đeo để đầu dây còn lại xiết chặt dụng cụ thu thập mẫu vật.

Với đầu dây đeo dài, người ta có thể dễ dàng đeo hoặc xách dụng cụ thu thập mẫu vật.

Đối với một cây hoặc bộ phận của cây, trong khi thu lượm mẫu cũng cần gắn vào mỗi cây, mỗi bộ phận một lý lịch:

Nội dung lý lịch có thể như sau:

- Tên cây
- Chiều cao của cây
- Địa điểm thu lượm cây
- Ngày tháng năm thu lượm
- Công dụng ở địa phương
- Tên người thực hiện

- Cách ép mẫu:

Các mẫu thu thập được ngoài thiên nhiên được đưa vào trong dụng cụ ép mẫu vật: mỗi mẫu vật thu thập được đặt giữa 2 tờ giấy bồi khác và cũng được xếp như trong dụng cụ thu thập mẫu vật. Mỗi lần ép có thể xếp được nhiều mẫu vật. Sau thời gian từ 1 đến 2 giờ thay giấy một lần vì nếu để mẫu vật, nhất là lá bị ướt lâu dễ bị mục và mẫu xin tối làm hỏng mẫu vật. Trong trường hợp ép nhiều lá, cành có nhiều nhựa và nhiều nước cần thay giấy nhiều lần. Giấy bị ướt đem phơi khô, có thể dùng lại được nhiều lần.

Nên để dụng cụ ép mẫu vật ở nơi thoáng gió cho mẫu vật nhanh khô hơn. Khi lá se lại, gần khô có thể dùng đinh ghim cài vào một tờ giấy bồi dày, đặt úp sấp các lá xuống sân, đem phơi nắng để giữ cho ánh nắng chiếu trực tiếp vào lá, tránh cho lá khỏi bị bạc màu.

Nếu có tủ sấy, cần duy trì nhiệt độ từ 50°C -60°C cho các mẫu vật tươi cho tới khi mẫu vật khô.

Ngoài cách phơi mẫu vật, người ta còn dùng cách ép nóng để làm khô mẫu vật. Để ép nóng, người ta thường dùng bàn là. Cách làm như sau:

Khi đưa mẫu vật từ ngoài trời về nhà, mẫu vật được đặt trong các lớp giấy bồi (có thể thay bằng giấy báo cũ). Lấy bàn là nóng là nhẹ trên mặt giấy bồi. Cách làm này có thể thay thế cho việc dùng dụng cụ ép mẫu và cần ít thời gian hơn.

Để có thể giữ mẫu vật lâu dài, cần ngâm mẫu vật là thực vật trong hóa chất (VD: clorua thủy ngân). Sau đó đưa mẫu vật vào dụng cụ ép mẫu. Bọc các mẫu vật trong giấy bồi, mỗi lớp mẫu lót từ 5-10 tờ giấy bồi để thấm nước và êm.

Ép trong khoảng 10 ngày, thay giấy bồi nhiều lần. Kết thúc việc ép các mẫu vật, cần tiếp tục làm khô các mẫu vật tương tự như quá trình đã trình bày ở trên.

- Cách trình bày mẫu vật: Sau khi làm khô các mẫu vật, ta đặt tờ giấy bồi có dính mẫu xuống sàn nhà, sao cho các mẫu vật ngửa lên trên. Sau một đêm, gỡ mẫu nhẹ nhàng ra khỏi tờ giấy bồi và gắn mẫu lên một tờ giấy hoặc tấm bìa dày, tạo dáng cho mẫu vật và cố định vị trí của mẫu vật trên bìa, dùng kim chỉ và các dụng cụ khác đính mẫu vật vào giấy hoặc bìa dày dùng để trang trí mẫu.
- Dùng góc bên phải, phía dưới của tấm bìa trang trí vật mẫu để ghi vài dòng về lí lịch của mẫu.
- Khi trình bày mẫu vật là thực vật, lưu ý một số điểm sau:

+ Trình bày một cây hoàn chỉnh các bộ phận, thường chọn loại cây thân thảo, nếu cây lớn hơn khổ giấy phải gấp thân theo hình gấp khúc, hoặc trình bày rút ngắn từng bộ phận, nhất là thân cây.

+ Đối với quả lớn có thể cắt 1 khoanh ở giữa, sau đó đem ép, phơi khô và đính vào giấy trang trí cùng với cây của nó hoặc trình bày riêng.

c. Bảo quản mẫu vật ép:

Các mẫu vật khô thường được trình bày trong các hộp kim loại không rỉ, trong hộp gỗ hoặc bìa cactong dày để tránh ẩm ướt và bụi bám. Để tránh sự xâm nhập của sâu bọ, ta đặt thêm vào hộp

đựng mẫu vật một ít băng phiến. Những ngày không khí có độ ẩm cao, phải đem phơi các hộp mẫu vật.

2.2. Làm mẫu vật thực vật ngâm

Các mẫu thực vật ngâm thường là rễ, thân, lá, hoa và quả. Mẫu ngâm thực vật có thể sử dụng lâu dài.

Cách làm như sau:

a. Chuẩn bị mẫu vật

- Các mẫu vật là rễ, thân, lá: có thể lấy toàn bộ rễ, thân, lá hoặc lấy một bộ phận. Chọn những phần không bị dập nát, rửa sạch, để khô trong mát.

- Các mẫu vật là hoa, quả: Chọn hoa quả tươi, không bị dập nát, rửa sạch, để khô trong mát.

b. Ngâm mẫu vật vào dung dịch định hình

Dung dịch định hình có thể là:

+ Nêu dùng 1000cm³ nước cất, hóa chất cần dùng là: phooc môn có nồng độ khoảng 30% cần 200cm³, nitrat kali 15g, axetat kali 30g.

+ Nếu dùng 200cm³ nước cất, hóa chất cần dùng là: phooc môn có nồng độ khoảng 30% cần 100cm³, muối ăn 45g.

Ngâm mẫu vật vào dung dịch định hình từ 2-7 ngày .

c. Ngâm mẫu vật vào dung dịch bảo quản:

Sau khi ngâm mẫu vật vào dung dịch định hình 2-7 ngày thì vớt ra, rửa sạch. Sau đó gắn mẫu vật lên một mảnh gỗ mỏng, phù hợp với kích thước lọ ngâm. Đánh số hoặc ghi vào mẫu vật một số chú thích cần thiết, sau đó ngâm mẫu vật vào dung dịch bảo quản. Lọ ngâm mẫu vật phải được gắn thật kín và mẫu vật được đặt ngập trong dung dịch, lọ ngâm thường là thủy tinh trong suốt.

Dung dịch bảo quản có thể là một trong các dung dịch sau đây:

+ Dung dịch phooc môn có nồng độ 2%

+ Dung dịch khác gồm: phèn chua, muối ăn và nước cất (nếu không có phooc môn) . Với 1000cm³ nước cất, cần dùng phèn chua 50g, muối ăn 50g.

+ Dung dịch rượu đã hòa tan muối rang bão hòa (nếu không có phooc môn)

Cần chú ý là khi ngâm lần đầu, mẫu vật làm cho dung dịch bị đục và có màu sẫm. Do đó phải thay dung dịch nhiều lần cho tới khi nước ngâm trong mới đạt yêu cầu.

2.3. Cách lắp đặt thí nghiệm về nhu cầu nước và thoát hơi nước của cây

Lấy một cốc nước, đặt vào trong cốc một cây nhỏ (có đủ rễ, thân, lá), cao khoảng 20cm. Nhỏ vài giọt dầu nhờn lên mặt nước trong cốc (để ngăn hiện tượng bay hơi từ nước trong cốc). Đặt cốc ngoài nắng. Đánh dấu mực nước trong cốc. Lấy một lọ thủy tinh trong suốt, úp ngược lọ lên cốc nước có cây. Theo dõi trong một thời gian sẽ thấy có nhiều giọt nước bám quanh thành bên trong của lọ thủy tinh to và mực nước ở trong cốc giảm đi.

Cách lắp đặt thí nghiệm về vai trò của nước, chất khoáng, không khí, ánh sáng đối với sống của thực vật

Chuẩn bị 5 cây đậu được gieo trước đó ở cùng một loại đất, trong cùng một ngày. Sau đó đánh 4 cây trồng trong 4 chậu có chứa loại đất giống nhau, một cây dùng trong chậu sỏi đã rửa sạch.

Cây 1: đặt trong phòng tối, tưới nước thường xuyên

Cây 2: Để nơi có ánh sáng, tưới nước nhưng dùng ngón tay sơn hai mặt của tất cả các lá và thân cây.

Cây 3: để nơi có ánh sáng nhưng không tưới nước

Cây 4: trồng trong sỏi, tưới đủ nước, để nơi có ánh sáng.

Cây 5: để nơi có ánh sáng, tưới nước thường xuyên.

Quan sát những cây đó hàng ngày và ghi lại những gì quan sát được vào bảng sau:

PHIẾU THEO DÕI THÍ NGHIỆM

Ngày bắt đầu:

| Ngày | Cây 1 | Cây 2 | Cây 3 | Cây 4 | Cây 5 |
|-------|-------|-------|-------|-------|-------|
| | | | | | |

3. Hướng dẫn làm một số đồ dùng dạy học dạy các bài có nội dung động vật

3.1 Kỹ thuật làm mẫu ngâm.

1. Mẫu vật, thiết bị.

1. Bộ đồ mổ, xơ ranh, kim tiêm, khay mổ, đinh ghim, kim, chỉ.
2. Lọ ngâm bằng thủy tinh hoặc bằng nhựa có kích thước phù hợp với mẫu vật.
3. Tấm kính để cố định mẫu vật khi quan sát cho rõ (nếu không có tấm kính thì thay bằng tấm gỗ).
4. Các hóa chất: chất định hình mẫu: phooc môn 10% hoặc cồn 90°. Chất để ngâm bảo quản mẫu vật: cồn 70 - 90° hoặc phooc môn: 3 - 4%. Chất để dán số: Gelatin.
5. Mẫu vật: ếch đồng, rắn, kỳ nhông, thạch sùng, cá chép ...

Cách pha chế dung dịch:

- Dung dịch định hình:

Phooc môn: Phooc môn thị trường là 40%, để ngâm mẫu trước hết phải cố định trong dung dịch Phooc môn 10%: lấy 1 phần Phooc môn 40% pha trong 3 phần nước cất. Dung dịch này trung hòa thêm 0,35g NaH_2PO_4 khan và 0,65g Na_2HPO_4 khan trong 100ml Phooc môn 10%. Nếu mẫu vật là động vật biển thì có thể thay nước ngọt bằng nước biển.

Cồn: đầu tiên dùng cồn 90° để ngâm cố định sau đó dùng cồn 70° để ngâm bảo quản. Dùng cồn thì mẫu ngấm nhanh nên giữ được màu tự nhiên, khi sử dụng không bị cay mắt,... tuy nhiên cồn có giá thành cao hơn Phooc môn nên khi cố định ngoài ta dùng Phooc môn 10% sau đó bảo quản ở cồn 70°.

- **Dung dịch bảo quản:**

+ Dung dịch phooc môn 3 - 4%.

+ Dung dịch phooc môn 3% cùng với 10 - 15% glyxêrin (lấy phooc môn 3% làm dung môi).

+ Cồn 70° hay dung dịch hỗn hợp phooc môn 4% và cồn 70°.

Tuy nhiên, để giữ được màu của mẫu vật được lâu thì cần định hình và bảo quản trong các dung dịch như sau:

* **Với cá:**

Để giữ màu xanh ta thêm 2g CuSO_4 trong 1000cm³ dung dịch phooc môn 4%.

Để giữ màu ánh bạc ta dùng 250g KCl trong 1000cm³ dung dịch phooc môn 2%.

Để giữ được màu tươi ta dùng dung dịch: 1000cm³ nước + 50cm³ Phooc môn 40% + 300cm³ Glyxêrin + 3g tinh thể Timôn.

* **Đối với lưỡng cư:**

Dung dịch định hình: 100 cm³ n-ớc + 3 - 4 cm³ CH₃COOK + 0,5 cm³ KCl + 5 - 10 cm³ Formon 40%. (ngâm 24 - 48 giờ).

Dung dịch bảo quản: 100 cm³ n-ớc + 30cm³ CH₃COOK + 60cm³ glyxêrin (ngâm trong 2 - 3 tuần). Dung dịch bảo quản cuối cùng: 100 cm³ n-ớc + 30cm³ CH₃COOK + 60cm³ glyxêrin + một ít tinh thể Timôn.

* **Với bò sát:** Cả dung dịch định hình và bảo quản đều dùng dung dịch Formon 4% + 15 - 20% glyxêrin.

* **Với thú** (chỉ áp dụng cho thú nhỏ hoặc phôi thai): bảo quản trong dung dịch formon 4 - 6% hoặc cồn 70⁰.

2. Các bước kỹ thuật.

2.1. Làm chết mẫu vật:

Có thể làm chết mẫu vật bằng clorofooc hoặc ête êtylic (đắp bông đã tẩm clorofooc hoặc ête êtylic lên mũi con vật, gây mê rồi chết hoặc bỏ mẫu vật vào bình kín có chứa bông tẩm một trong hai hóa chất trên), tr-ớc khi ngâm cần phải rửa mẫu cho thật sạch.

2.2. Cách định hình mẫu.

Có thể ngâm nguyên con vật sau khi đã rửa sạch. Nếu con vật lớn (khối lượng lớn hơn 500g) thì phải mổ một đường nhỏ ở bụng để dung dịch ngấm ngấm đều, nếu con vật có kích thước lớn hơn nửa thì mổ một đoạn nhất định rồi lấy hết nội quan sau đó khâu lại và ngâm vào dung dịch định hình (có thể tiêm phooc môn 10% hoặc cồn 90⁰ vào bắp cơ để đường ngấm đều). Nếu muốn con vật có một thể nh- ý thì có thể tạo hình bằng cách buộc vào tấm kính hoặc dùng đinh ghim để cố định trên tấm gỗ rồi ngâm vào dung dịch định hình.

Con vật có thể đường mổ để lộ một số bộ phận hoặc cắt bỏ một số bộ phận không cần thiết rồi dùng chỉ gai hoặc đinh ghim để cố định tiện cho việc quan sát khi cần thiết.

Thời gian ngâm định hình có thể từ 2 - 7 ngày, tùy theo kích thước con vật và độ thấm của mẫu.

Dung dịch định hình có thể sử dụng lại nhiều lần.

2.3. Cách ngâm mẫu trong dung dịch bảo quản:

Tr-ớc khi ngâm bảo quản cần phải rửa sạch cả những vết bẩn còn lại trên mẫu định hình. Nếu là mẫu tr-ng bày thì nên buộc vào tấm kính bằng chỉ gai, dựng đứng tấm kính trong chậu ngâm, nên dùng cao su để chèn vào các cạnh của tấm kính. Nếu cần thiết thì dùng số để ghi chú, dùng mực tàu ghi trên giấy không thấm, dùng gelatin để dán lúc còn khô.

Trong quá trình ngâm, sau một thời gian nếu n-ớc ngâm bị vẩn đục không đảm bảo chất lượng thì thay ngay bằng dung dịch ngâm có cùng nồng độ để đảm bảo cho mẫu không bị phân hủy.

3.2. Kỹ thuật làm mẫu nhồi.

1. Mẫu vật và thiết bị.

1. Chim bồ câu, gà, thỏ...
2. Bộ đồ mổ: dao, kẹp, kéo nhọn, đinh ghim.
3. Các vật liệu để khâu, nhồi, làm khung: kim, chỉ, chỉ gai, bông, vải vụn, dây thép, kim, búa...
4. Các hóa chất: Anhydric acxênic, vôi bột, long não, muối ăn, phèn chua, phooc môn, cồn 85 - 90⁰, bột hồng, clorôfooc.

2. Hướng dẫn nội dung thực hiện. (Ví dụ với chim)

2.1. Nguyên tắc chung và các bước kỹ thuật nhồi chim.

a. Nguyên tắc chung:

Lột lấy da mẫu vật, bỏ hết thịt chỉ cần giữ lại một phần x-ơng để tạo khung cần thiết. Bôi thuốc sát trùng vào mặt trong của tấm da, làm bộ khung bằng dây thép có quấn chỉ hoặc gác bằng.

b. Các bước kỹ thuật:

B-ớc 1. Làm chết chim: gây mê, làm chết chim bằng cách áp bông tẩm clorôfooc vào mũi hoặc nhỏ 3 giọt clorôfooc vào họng chim, cần l- u ý đến khối l- ợng chim.

B- ớc 2. Lột da: chú ý đến những vị trí khó lột, dễ làm rách, bần.

B- ớc 3. Dựng hình và nhồi mẫu vật: Chim nhồi phải không bị rách da, rụng lông, có t- thể vững chắc nh- trong tự nhiên.

2.2. Cách điều chế các chất sát trùng cần thiết.

a. Xà phòng acxêriơ: có hai cách điều chế:

Cách 1: Xà phòng 20 gam, dung dịch muối K_2CO_3 bão hòa, 30 gam vôi bột trộn lẫn với nhau, đun nóng khuấy đều, sau đó để nguội, trộn thêm 1 gam long não.

Cách 2: Xà phòng 2 phần, trộn lẫn với axit axênic 1 phần, đun nóng, khuấy đều. Chú ý, axit axênic rất độc nếu không có thì có thể thay thế bằng muối của nó.

b. Các chế phẩm thay thế:

- Dung dịch muối phèn: muối ăn 20 gam, phèn chua 100 gam, n- ớc 10 gam.

- Phoc môn 5%: dung dịch này sát trùng rất tốt, song nó làm cho da cứng nên mẫu nhồi không đẹp.

- Chế phẩm bồ hóng, vôi bột, muối: bồ hóng 10 gam, vôi bột 10 gam, muối ăn 4 gam (rang nhỏ). Cả 3 thứ trên trộn đều.

- Cồn 85⁰ hoặc 90⁰, nếu không có thì có thể dùng r- ợu 40⁰.

2.3. Kỹ thuật thực hiện.

a. Làm chết chim bằng cách gây mê.

Tắm clorôfooc vào bông rồi áp vào mũi chim giữ chặt hoặc nhỏ vài giọt clorôfooc vào họng chim.

b. Lột da chim:

Tr- ớc khi lột da chim nên co duỗi cánh và chân chim, kéo dài cổ và gập lại một vài lần. Sau đó đặt chim nằm ngửa, tách lông bụng sang hai bên để dễ lột da. Dùng dao mổ rạch một đ- ờng từ cổ tại chỗ tr- ớc x- ơng ức đến tận tr- ớc lỗ huyết, lột da chim bằng tay hoặc bằng dao mổ, khéo léo khi lột đến chi sau, đẩy chân lên phía tr- ớc cho lộ cơ đùi và cơ ống chân. Dùng kéo cắt rời khớp giữa đùi và ống chân, trong quá trình lột cần rắc lên khối cơ thân ít bột đao hoặc bột sắn. Tiếp tục lột sang chân sau bên kia rồi lột dần về phía sau đến phao câu, gỡ hết thịt bám trên x- ơng phao câu, cắt rời các đốt x- ơng cuối cùng của phao câu. Kéo da chim về phía tr- ớc, một tay dùng dao cán dẹt để gỡ dần da chim ra khỏi thân, đến phần cánh thì bắt đầu lột ở hai cánh: lột da vòng quanh cánh, chú ý để x- ơng ống tay dính vào da, cắt rời cánh khỏi thân chỗ cánh gắn với bả vai. Nếu chim cỡ lớn thì gỡ thịt ở x- ơng cánh, ống tay và cả x- ơng ngón tay, gỡ thật sạch thịt và thấm máu ở x- ơng.

Lật ng- ợc da chim về phía đầu rồi dùng kéo cắt rời đầu tại đốt sống cổ thứ nhất, tiếp tục lột da đến phần mỏ, chú ý cẩn thận kéo rách mí mắt. Gỡ sạch thịt chung quanh lỗ chẩm. Dùng dây thép đầu có quấn một khối bông rồi chọc vào lỗ chẩm để lấy hết não, thay bông nhiều lần cho đến khi sạch. Dùng kẹp gấp mắt chim ra khỏi hốc mắt, cắt l- ỡi, thực quản, khí quản, gỡ hết thịt trong xoang miệng, không đ- ợc làm hàm d- ới rời khỏi sọ.

c. Rửa da, tẩy mỡ làm khô và tơi lông

Cần rửa sạch vết bẩn bám trên lông bằng n-ớc muối loãng: 10 gam muối trong 1000 ml n-ớc. Nếu da chim có nhiều mỡ, cần tẩy mỡ: ngâm da vào dung dịch ấm (30- 40°C) cho 10 gam NaOH vào 1 lít n-ớc, ngâm trong 2 - 3 giờ (tối đa đối với da chim nhiều mỡ), nếu da ít mỡ thì không quá 1- 1,5 giờ. Sau đó cần rửa thật sạch bằng vòi n-ớc chảy, sau đó làm khô da bằng bột sắn, bột đao, rồi làm sạch bột bằng quạt máy, máy hút bụi,...

Sát trùng da, thịt và x-ong còn lại: bôi thuốc sát trùng vào hốc mắt, hộp sọ, x-ong và mặt trong của da. Tiêm dung dịch phooc môn 10% hoặc cao hơn vào khoang miệng, hốc sọ, cơ cánh, cơ đuôi và bàn chân.

* Chú ý: để da dai dễ nhồi, sau khi sát trùng thì cần ủ bộ da vào trong túi nilon, để chỗ thoáng mát trong thời gian 6 - 7 ngày sau đó mới nhồi.

d. Dụng hình và nhồi mẫu vật.

Dùng dây thép làm khung rồi dùng dây gạc, chỉ gai bọc quanh. Có thể dùng dây thép làm khung tr-ớc rồi quấn sau hoặc ng-ợc lại hoặc dùng khung thép rồi lấy các nguyên liệu còn lại nhồi vào sau, hoặc dùng bông cuốn thành nệm rồi dồn vào cho thật kỹ. Chú ý những thao tác cần quan tâm khi nhồi:

- Tr-ớc khi lấy dây thép làm khung cần -óm thử dây thép vào thân hoặc da lột, để có chiều dài chính xác của thân, đuôi cánh và chi sau.

- Cần có dũa để mài nhọn đầu dây thép.

- Dây thép phải đủ cứng để nâng đỡ đ-ợc mẫu vật.

- Bắt đầu dựng từ cổ đến đoạn cánh chim, dùng dây chỉ buộc x-ong ống vào khung cánh, cuốn chặt nhồi cho to bằng khối cơ cánh rồi từ từ lột da trở lại, sau đó quấn chặt đoạn dây thép còn lại vào khung cột sống. Tiếp theo là dựng thân chim, rồi đến chân chim, tiếp theo nhồi bụng hông và đuôi.

- Nhồi đến đầu khâu vết mổ đến đó, sau mỗi mũi kim thì thắt chặt lại và nhồi vào đấy, mũi kim đi theo đ-ờng chéo, khâu từ trong ra ngoài, luôn vuốt xuôi lông.

- Nhồi chim không cần nhồi chặt vì da chim rất mỏng dễ rách, và da chim rất ít co. Mắt giả phải to hơn mắt thật để không bị rơi ra ngoài khi lấp đặt.

e. Bảo quản mẫu chim nhồi

Sự bảo quản chim nhồi bằng cách rắc bột băng phiến vào lông rồi đem phơi khô. Muốn mẫu đẹp có thể sơn màu lên mỏ, chân chim, thậm chí có thể quét sơn quang dầu lên phía ngoài bộ lông, mỏ và chân.

BÀI THỰC HÀNH SỐ 2

SOẠN GIÁO ÁN VÀ TẬP DẠY CÁC BÀI VỀ THỰC VẬT, ĐỘNG VẬT, MÔI TRƯỜNG VÀ TÀI NGUYÊN

I. Mục tiêu:

- SV biết soạn giáo án dạy một bài có nội dung về thực vật, động vật, môi trường và tài nguyên

- Rèn kỹ năng dạy học các bài có nội dung về thực vật, động vật, môi trường và tài nguyên TNXH .

- Hình thành và rèn luyện ý thức nghiêm túc trong công việc dạy học.

II. Nội dung:

1- Tập soạn giáo án một bài có nội dung kiến thức về thực vật, động vật, môi trường và tài nguyên .

2 - Tập dạy học một bài học có nội dung kiến thức về thực vật, động vật, môi trường và tài nguyên .

III. Cách tiến hành

* Buổi 1: Tập soạn giáo án

- GV hướng dẫn cho SV cách soạn giáo án các bài có nội dung về thực vật, động vật, môi trường và tài nguyên .

- Chia lớp thành các nhóm 4-6 SV, các nhóm tiến hành thảo luận và soạn giáo án

* Buổi 2 : Tập dạy theo nhóm và cả lớp các bài có nội dung về thực vật

- Đại diện các nhóm tiến hành tập dạy các hoạt động học tập, các thành viên trong lớp vừa đóng vai là “học sinh” vừa là “người dự giờ”.

- Các nhóm khác nhận xét, góp ý, bổ sung cho hoạt động tập dạy của nhóm bạn

- GV nhận xét và kết luận.

* Buổi 3: Tập dạy theo nhóm và cả lớp các bài có nội dung về động vật, môi trường và tài nguyên

Cách tiến hành như buổi 2

• *Cuối buổi 3, GV rút ra những ưu điểm và nhược điểm của SV trong việc sử dụng các phương pháp và hình thức tổ chức dạy học các bài có nội dung thực vật, động vật, môi trường và tài nguyên để để SV làm bài học kinh nghiệm.*

TÓM TẮT NỘI DUNG CỦA CHƯƠNG 2

Để dạy tốt các bài có nội dung kiến thức về các chủ đề Thực vật, Động vật, Môi trường và tài nguyên GV cần:

1. Tóm tắt các mạch nội dung kiến thức có trong mỗi chủ đề và phân loại các thành phần kiến thức của chủ đề

- a. Các bài có nội dung về thực vật
- b. Các bài có nội dung về động vật
- c. Các bài có nội dung về môi trường và tài nguyên

2. Lựa chọn các PPDH và HTTC dạy học phù hợp với từng nội dung của chủ đề

- Cơ sở để lựa chọn:

- + Dựa vào nội dung bài học
- + Dựa vào trình độ học sinh
- + Dựa vào điều kiện cơ sở vật chất của trường, địa phương
- 4. Biết làm và sử dụng có hiệu quả các đồ dùng dạy học đặc trưng cho từng chủ đề
- 5. Lập kế hoạch dạy học và rèn luyện kỹ năng dạy học

CÂU HỎI ÔN TẬP CHƯƠNG 2

1. Trình bày PP thí nghiệm, PP điều tra vận dụng để dạy các bài có nội dung về ĐV?
2. Những điều cần chú ý khi vận dụng PP thí nghiệm và PP giảng giải để dạy các bài có nội dung về ĐV?
3. Các hình thức tổ chức dạy học có thể được vận dụng để dạy các bài có nội dung về ĐV?
4. Hãy kể tên một số loài vật ưa sống ở nước; ưa sống nơi ẩm thấp và ưa sống nơi khô ráo?
5. Kể tên các nhân tố vô sinh ảnh hưởng đến đời sống của ĐV. Cho ví dụ về vai trò của từng yếu tố đối với đời sống ĐV?
6. Giáo viên phải làm gì để dạy các bài có nội dung về ĐV ở lớp 4 được sinh động?
7. Để dạy tốt các bài có nội dung về ĐV ở lớp 5, GV cần nắm những kiến thức gì về chuyên môn và những kỹ năng gì về nghiệp vụ?
8. Hãy nêu những mục tiêu về kiến thức, kỹ năng và thái độ trong dạy học các bài có nội dung Thực vật
9. Tóm tắt kiến thức ở các bài có nội dung về Thực vật ?
10. Có thể vận dụng những PPDH và hình thức tổ chức dạy học nào trong dạy học các bài có nội dung Thực vật ?
11. Nêu cách sử dụng có hiệu quả các PP DH và HTTC DH trong dạy học các bài có nội dung Thực vật?
12. Hãy nêu những mục tiêu về kiến thức, kỹ năng và thái độ trong dạy học các bài có nội dung Môi trường và tài nguyên ?
13. Tóm tắt kiến thức ở các bài có nội dung về Môi trường và tài nguyên ?
14. Có thể vận dụng những PPDH và hình thức tổ chức dạy học nào trong dạy học các bài có nội dung Môi trường và tài nguyên ?
15. Nêu cách sử dụng có hiệu quả các PPDH và HTTC DH trong dạy học các bài có nội dung Môi trường và tài nguyên? Lấy ví dụ minh họa?

HƯỚNG DẪN TÀI LIỆU TỰ HỌC

Tìm tài liệu, Website có liên quan như:

1. Bùi Phương Nga, Lương Thị Vân, Nguyễn Thị Tường Loan, Đoàn Văn Hưng. Tự nhiên-xã hội và phương pháp dạy học ở TNXH ở tiểu học. NXBGD năm 2006.
2. Bùi Phương Nga, Lê Thị Thu Dinh, Đoàn Thị My, Nguyễn Tuyết Nga- TNXH lớp 1, 2,3. Khoa học lớp 4,5 NXBGD năm 2008.
3. Bùi Phương Nga, Lê Thị Thu Dinh, Nguyễn Tuyết Nga- Sách giáo viên TNXH lớp 1 đến lớp 5. NXBGD năm 2007.

4. Các Website của Bộ GD&ĐT
5. Thái Trần Bái- Nguyễn Văn Khang- Động vật học không xương sống. NXBĐHSP năm 2005.
6. Trần Kiên- Trần Hồng Việt- Động vật học có xương sống. NXBĐHSP năm 2005.
7. Hoàng Thị Sản – Nguyễn Phương Nga- Hình thái giải phẫu học thực vật, NXB ĐHSP . Năm 2004.
8. Lê Văn Khoa (chủ biên) – Khoa học môi trường. NXB GD. Năm 2009

Chương 3

HƯỚNG DẪN DẠY HỌC CHỦ ĐỀ VẬT CHẤT VÀ NĂNG LƯỢNG

I. TÌM HIỂU MỤC TIÊU CHƯƠNG TRÌNH VÀ NỘI DUNG CHỦ ĐỀ VẬT CHẤT VÀ NĂNG LƯỢNG Ở CÁC LỚP 4, 5

I.1. Mục tiêu:

Sau khi học xong chủ đề này, học sinh đạt được:

a. Một số kiến thức cơ bản, ban đầu về :

- Đặc điểm, tính chất và ứng dụng của một số chất, một số vật liệu và dạng năng lượng thường gặp trong đời sống và sản xuất.

b. Bước đầu hình thành và phát triển ở HS kỹ năng:

- Quan sát và làm một số thí nghiệm thực hành khoa học đơn giản gần gũi với đời sống, sản xuất.
- Phân tích so sánh rút ra những dấu hiệu chung và riêng của một số sự vật, hiện tượng đơn giản trong tự nhiên.

- Nêu thắc mắc trong quá trình học tập và biết tìm thông tin để giải đáp. Biết diễn đạt những hiểu biết của mình bằng lời nói, bài viết, hình vẽ, sơ đồ.

c. Hình thành, phát triển thái độ và hành vi ở HS:

- Ham hiểu biết khoa học, có ý thức vận dụng những kiến thức đã học vào đời sống.
- Yêu thiên nhiên, gia đình, trường học và quê hương, có ý thức bảo vệ môi trường sống.

I.2. Nội dung kiến thức:

Nội dung kiến thức chủ đề vật chất và năng lượng gồm những kiến thức chính thuộc 2 môn Vật lí và Hóa học. Những kiến thức đó được lựa chọn ở mức độ đơn giản, chỉ trình bày ở mặt định tính, phù hợp với lứa tuổi HS tiểu học.

Cụ thể:

- Ở lớp 4 gồm các nội dung:

1. Nước:

- a. Tính chất.
- b. Vai trò.
- c. Sử dụng và bảo vệ nguồn nước.

2. Không khí:

- a. Tính chất, thành phần.
- b. Vai trò.
- c. Bảo vệ bầu không khí.

3. ánh sáng:

- a. Vật tự phát sáng và vật được chiếu sáng.
- b. Vật cho ánh sáng đi qua và vật cản sáng.
- c. Vai trò của ánh sáng. Sử dụng ánh sáng trong đời sống.

4. Nhiệt:

- a. Nhiệt độ, nhiệt kế.

- b. Nguồn nhiệt, vật dẫn nhiệt và vật cách nhiệt.
- c. Vai trò của nhiệt. Sử dụng an toàn và tiết kiệm một số nguồn nhiệt trong sinh hoạt.

5. Âm thanh:

- a. Nguồn âm.
- b. Vai trò của âm thanh trong cuộc sống.
- c. Một số biện pháp chống tiếng ồn.

- Ở lớp 5 gồm các nội dung:

1. Đặc điểm và công dụng của một số vật liệu thường dùng
2. Sự biến đổi của chất
3. Sử dụng năng lượng

II. PHƯƠNG PHÁP VÀ HÌNH THỨC TỔ CHỨC CÁC BÀI THUỘC CHỦ ĐỀ VẬT CHẤT VÀ NĂNG LƯỢNG

1. Các PPDH chủ đề Vật chất và năng lượng ở lớp 4 và 5

Các PPDH thường được sử dụng dạy học ở chủ đề VC &NL ở lớp 4 là: quan sát, thí nghiệm, thực hành, thảo luận, hỏi đáp

- PP quan sát thường được sử dụng để dạy các nội dung về đặc điểm các chất như: đặc điểm của nước, không khí, ánh sáng... và kết hợp với PP thực hành, thí nghiệm
- PP thực hành, TN thường được sử dụng dạy các nội dung về tính chất của các chất và chất như tính chất của nước, không khí, ánh sáng, nhiệt độ....
- PP hỏi đáp và thảo luận thường được sử dụng dạy các nội dung về vai trò của các chất cũng như các biện pháp sử dụng bảo vệ các chất, chống ô nhiễm...hoặc được kết hợp với các PP trên

Một số lưu ý khi sử dụng phương pháp quan sát và PP thí nghiệm trong dạy học chủ đề vật chất và năng lượng ở môn Khoa học lớp 4,5:

1. Sử dụng phương pháp quan sát:

PP QS trong dạy học môn khoa học lớp 4 khác với ở lớp 1,2,3 là đòi hỏi cao hơn về kỹ năng quan sát(về độ tinh tế, tính chính xác, yêu cầu phân tích thông tin, giải thích hiện tượng...).

- Một số lưu ý khi sử dụng PP quan sát:
 - HS cần biết rõ mục đích quan sát trước khi tiến hành QS
 - Giáo viên cần chú trọng hướng dẫn học sinh biết cách quan sát (để tìm tòi, phát hiện ra những kiến thức mới; để đưa ra những thắc mắc, những câu hỏi ...)
 - HS phải xử lý thông tin sau khi quan sát được để rút ra kết luận khoa học
 - Phương pháp quan sát thường được phối hợp sử dụng với phương pháp hỏi đáp, phương pháp thảo luận ... và các hình thức tổ chức dạy học như: quan sát theo nhóm/ cá nhân; học tập ngoài lớp học, trong phòng thí nghiệm...

2. Sử dụng PP thí nghiệm:

* Các thí nghiệm ở tiểu học yêu cầu ở mức độ đơn giản, chỉ xét ở mức độ định tính, các dụng cụ và việc bố trí lắp đặt, thao tác đơn giản.

* Một số lưu ý khi tổ chức học sinh làm thí nghiệm:

- + HS cần nắm được mục đích của TN trước khi tiến hành, HS phải biết được TN đó giải quyết vấn đề gì trong nội dung bài học.
- + GV tổ chức cho HS làm TN theo các nhóm, trường hợp những TN khó và quá ít dụng cụ thì GV mới làm TN chung cho cả lớp .

- + GV phải hướng dẫn HS cách lắp đặt và tiến hành TN, cách quan sát và ghi chép các hiện tượng TN một cách tỉ mỉ, đảm bảo sự an toàn khi TN.
- + GV khuyến khích HS đưa ra các dự đoán, trình bày, thảo luận, giải thích các hiện tượng và kết quả TN.

2. Hình thức tổ chức dạy học:

- Kết hợp các hình thức học tập cá nhân, nhóm, cả lớp một cách linh hoạt
- Tăng cường dạy học hợp tác trong nhóm nhỏ, giao các bài tập cho các nhóm phát huy tính tích cực, sáng tạo, khả năng làm việc độc lập và hợp tác.
- Tổ chức cho học sinh các hoạt động khám phá, các bài tập tìm hiểu thực tế giúp HS có khả năng vận dụng kiến thức vào cuộc sống.

***Bài tập:** Mỗi nhóm SV chọn một bài chủ đề Vật chất và Năng lượng lớp 4,5, lập kế hoạch dạy học và thực hiện dạy thử theo hướng phát huy tính tích cực của HS.*

Chương 4. HƯỚNG DẪN DẠY HỌC CHỦ ĐỀ XÃ HỘI

I. TÌM HIỂU MỤC TIÊU, NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH CHỦ ĐỀ XÃ HỘI TRONG SGK TỰ NHIÊN VÀ XÃ HỘI Ở CÁC LỚP 1,2,3

1. Mục tiêu:

a. Về kiến thức:

HS biết về các thành viên và các hoạt động, các mối quan hệ của những người trong gia đình, trường học, cộng đồng và điều kiện sống xã hội. Trong đó bao gồm cả cách giữ vệ sinh thân thể và nhà ở, lớp học, trường học, nơi công cộng; cách giữ an toàn cho bản thân và người khác ở những môi trường sinh hoạt và học tập khác nhau.

b. Về kỹ năng:

- Rèn luyện kỹ năng ứng xử với các thành viên trong gia đình, trường học, cộng đồng nơi sinh sống; kỹ năng giữ an toàn khi ở nhà và ở trường, an toàn giao thông; vẽ được sơ đồ địa chỉ nhà mình, trường mình và địa phương mình.

c. Về thái độ:

Hình thành tình yêu gia đình, nhà trường, quê hương, tình yêu người thân, thầy cô và bạn bè. Có thái độ thân thiện, giúp đỡ mọi người trong cộng đồng. Có ý thức phòng tránh tai nạn ở nhà; chấp hành tốt luật giao thông, giữ môi trường xung quanh sạch đẹp.

2. Tóm tắt nội dung chủ đề xã hội ở các lớp 1,2,3

- SV hoàn thành bảng sau:

| | Bài/nội dung | Lớp 1 | Lớp 2 | Lớp 3 |
|------------|--------------|-------|-------|-------|
| Gia đình | Bài | | | |
| | Nội dung | | | |
| Trường học | Bài | | | |
| | Nội dung | | | |
| Quê hương | Bài | | | |
| | Nội dung | | | |
| Ôn tập | Bài | | | |
| | Nội dung | | | |

- Hệ thống kiến thức về gia đình ở lớp 1,2,3 bao gồm:

+ kiến thức về các thành viên trong gđ: thành viên cấu thành gđ và mối quan hệ giữa các thành viên, loại hình gđ, việc làm thường ngày của các thành viên.

+ Về đồ vật trong gđ: nhà, đồ dùng, sự sắp đặt đồ dùng và sự an toàn khi sử dụng đồ dùng trong gđ. Các kiến thức này được trình bày cụ thể bằng tranh ảnh, kết hợp với việc tìm hiểu thực tế, ở lớp 3 có các sơ đồ hệ thống hóa, một số định nghĩa.

- Hệ thống kiến thức về trường học bao gồm:

+ Kiến thức về cơ sở vật chất, tổ chức và các thành viên trong nhà trường, lớp học (lớp 1), về các hoạt động của nhà trường mối quan hệ nhà trường với xã hội (lớp 2,3)

+ Thông qua việc tìm hiểu kiến thức trên, hình thành cho HS cách tìm hiểu, xem xét, cách nhận thức về một tổ chức giáo dục đào tạo của nước ta; qua đó giáo dục cho HS thái độ yêu mến bạn bè, kính trọng thầy cô giáo và gìn giữ trường lớp sạch đẹp.

- Hệ thống kiến thức về quê hương có những đặc điểm sau:

+ số lượng bài học tăng dần từ lớp 1 đến lớp 3

- + Phạm vi địa lí của quê hương được mở rộng từ kiến thức về làng, xã, phường(lớp 1) đến huyện, quận, thị xã (lớp 2) và tỉnh, thành phố(lớp 3)
- + Khối lượng kiến thức tăng dần, mức độ phức tạp dần từ lớp 1 đến lớp 3; nội dung về giữ gìn vệ sinh cũng mở rộng từ vệ sinh nhà ở đến trường học đến môi trường xung quanh

3. Cấu trúc bài học chủ đề xã hội ở lớp 1,2,3:

- Các bài học có kí hiệu bằng tranh vẽ HS nữ, sau đó là tên bài học
- Mỗi bài được trình bày trong 2 trang mở liền nhau nên thuận lợi cho HS quan sát
- Những nội dung chính của bài được thể hiện bằng hệ thống tranh ảnh, các chú thích.
- Có các kí hiệu và các câu hỏi hoặc các “lệnh” chỉ dẫn hoạt động học tập của HS
- Bóng đèn tỏa sáng cung cấp những thông tin cần thiết cho các hoạt động học tập của HS.

II. CÁC PHƯƠNG PHÁP VÀ HÌNH THỨC TỔ CHỨC DẠY HỌC CÁC BÀI CÓ NỘI DUNG XÃ HỘI Ở LỚP 1,2,3

1.Phương pháp quan sát:

a. Quan sát tranh, ảnh trong SGK và tranh, ảnh treo tường

- Khi sử dụng PP này phải xác định chủ đề, đối tượng chính trên tranh, ảnh; sau đó hướng dẫn cho HS quy trình quan sát: từ tổng thể đến chi tiết, kết hợp các hình thức quan sát cá nhân, nhóm, theo cặp.

- Sử dụng kết hợp PP quan sát tranh ảnh với PP hỏi đáp hoặc thảo luận để nâng cao hiệu quả.

VD: Quan sát hình vẽ trong SGK và thảo luận: Những thứ có thể gây ngộ độc (bài 14- Phòng tránh ngộ độc khi ở nhà- TNXH lớp 2)

b. Quan sát trực tiếp trên hiện trường:

Thích hợp cho việc dạy các bài về trường học, lớp học, quê hương. Tùy theo điều kiện cụ thể, GV có thể sắp xếp cho HS quan sát trường mình, lớp học mình trong thời gian 25-30 phút, hoặc cả tiết. Sau đó thảo luận về những gì các em đã quan sát được trên thực tế và liên hệ với những điều các em quan sát được trong SGK.

VD: Bài 15- Trường học (SGK TNXH lớp 2)

2. Phương pháp đóng vai:

Các tình huống đóng vai ở chủ đề này khá phong phú và sát thực tế cuộc sống nhất là trong các chủ đề TN-XH. Sử dụng hợp lí PPDH này có ý nghĩa rất lớn trong việc rèn luyện nhiều kĩ năng ứng xử cần thiết trong gia đình, nhà trường và cộng đồng cho HS. Đây là một PP khó thực hiện vì HS còn nhỏ tuổi vì vậy GV cần chọn lựa những tình huống đơn giản, dễ thực hiện và GV cần giúp đỡ, hướng dẫn HS cụ thể trong khi HS thảo luận kịch bản và diễn xuất.

3. PP trò chơi học tập:

Khi sử dụng PP này GV cần lựa chọn trò chơi sao cho hấp dẫn để HS hào hứng tham gia. Các trò chơi có thể là: “Gọi cứu hỏa”, “hướng dẫn viên du lịch”, “đèn xanh đèn đỏ”...GV cần thực hiện đúng quy trình hướng dẫn HS chơi trò chơi, phổ biến luật chơi rõ ràng.

4. Kể chuyện:

Khi sử dụng PP này, GV phải nêu được vấn đề cần giải quyết, xác định chủ đề, nội dung của việc kể chuyện. Sau đó gợi ý cho HS sắp xếp lại các nội dung thành câu chuyện kể. Có thể lần lượt mời từng HS lên kể, các HS khác nhận xét.

VD: Hãy kể về những thành viên của gia đình bạn (ông, bà, cha, mẹ, anh, chị, em...)

5. PP Thực hành:

a. Thực hành tham gia những công việc cụ thể trong gia đình, nhà trường và cộng đồng để khắc sâu kiến thức đã học và rèn kĩ năng làm việc. Khi tổ chức thực hành GV cần cho HS chuẩn bị dụng cụ và phân chia công việc trước theo từng nhóm cho phù hợp.

VD: Bài 18- Thực hành giữ trường học sạch đẹp- TNXH lớp 3

b. Vẽ tranh, vẽ sơ đồ

GV cần xác định trước công việc và yêu cầu HS chuẩn bị dụng cụ thực hành. Có thể cho HS chuẩn bị bài tại nhà hay vẽ tại lớp tùy vào nội dung thực hành. Sau đó cho HS thuyết minh về sản phẩm thực hành của mình.

VD: vẽ sơ đồ gia đình, họ hàng hoặc vẽ chân dung những người thân trong gia đình...

6. Thảo luận:

Có thể tổ chức TL theo cặp, nhóm nhỏ hoặc cả lớp. GV nêu ra các tình huống khác nhau để HS thảo luận, sau đó cho HS báo cáo kết quả và nhận xét, rút ra bài học.

VD: thảo luận về các thành viên và công việc của họ trong trường học của bạn (bài 16- TNXH lớp 2)

7. Hình thức tổ chức dạy học:

a. Tham quan:

Tham quan thường thích hợp cho dạy học các bài về quê hương. GV có thể sắp xếp cho HS đi tham quan gần xung quanh trường 1 buổi (vào ngoài giờ học chính khóa hoặc đổi giờ trong thời khóa biểu). Chủ đề tham quan được GV lựa chọn trước, liên quan đến nội dung bài học. GV phải phổ biến cho HS mục đích của việc tham quan, mục tiêu cần đạt được, cách thức tổ chức học tập cho HS nơi tham quan, nhiệm vụ của mỗi HS khi tham quan; HD rút ra bài học sau tham quan...

VD: Tham quan hoạt động sinh sống của nhân dân khu vực xung quanh trường (bài 18, 19 – TNXH lớp 1)

b. Dạy học ngoài lớp: Đó là hình thức dạy học ngoài thiên nhiên, cho HS đi quan sát thực tế ngay trong giờ học chính khóa. VD: quan sát trường học, quan sát đường giao thông bên cạnh trường học...

Bài tập: Mỗi nhóm SV chọn một bài chủ đề Xã hội lớp 1, 2, 3, lập kế hoạch dạy học và thực hiện dạy thử theo hướng phát huy tính tích cực của HS.

Chương 5. HƯỚNG DẪN DẠY HỌC CHỦ ĐỀ ĐỊA LÝ

I. DẠY HỌC CÁC BÀI CÓ NỘI DUNG ĐỊA LÝ Ở CÁC LỚP 1,2,3

1. Mục tiêu, nội dung chương trình các bài học về địa lý ở các lớp 1,2,3

- Về kiến thức: HS nhận biết được một số đặc điểm sơ lược về thời tiết, các đối tượng địa lý như Bầu trời, Trái đất . Hiểu được vai trò của các đối tượng, hiện tượng địa lý trong thiên nhiên và trong cuộc sống con người.
- Về kỹ năng: Phát triển kỹ năng quan sát, thực hành, phán đoán các hiện tượng địa lý.
- Về thái độ: Ý thức quan tâm đến các sự vật, hiện tượng địa lý, sự thích ứng của bản thân với các hiện tượng địa lý đang diễn ra xung quanh.

2. Nội dung các bài học về địa lý lớp 1,2,3:

- Các bài học có nội dung về địa lý ở lớp 1,2,3 tập trung ở 2 chủ đề: chủ đề Tự nhiên và chủ đề Xã hội.

Bài tập: Hãy liệt kê các bài có nội dung địa lý theo bảng sau:

| Lớp | Chủ đề tự nhiên | Chủ đề xã hội | Tổng số |
|-----|-----------------|---------------|---------|
| 1 | | | |
| 2 | | | |
| 3 | | | |

- Nội dung cụ thể các bài học là:

- + Vũ trụ, hệ Mặt Trời: các vì sao, mặt trời, mặt trăng, trái đất
- + Vị trí, hình dạng, sự chuyển động của trái đất trong hệ mặt trời
- + Một số đặc điểm của sự vật, hiện tượng địa lý tự nhiên như nắng, mưa, nóng, rét, ngày và đêm...
- + Hình thức quần cư: làng quê, đô thị...
- + Các ngành kinh tế: nông nghiệp, công nghiệp, thương mại, giao thông vận tải và thông tin liên lạc.

Nội dung địa lý ở lớp 1,2,3 chủ yếu giúp HS nhận biết, thích ứng với các sự vật hiện tượng địa lý gần gũi với môi trường xung quanh, chưa đi vào phân tích, giải thích hiện tượng.

3.Cấu trúc của các bài học:

Phần 1: gồm các hình ảnh về các sự vật, hiện tượng địa lý

Phần 2: Gồm hình ảnh giúp HS thể hiện ý thức của bản thân với các sự vật hiện tượng địa lý

Phần 3: Trò chơi học tập, bài tập thực hành...

4.Phương pháp dạy học các bài có nội dung địa lý ở lớp 1,2,3:

Hai phương pháp chủ yếu được sử dụng trong dạy học các bài có nội dung địa lý ở lớp 1,2,3 là quan sát và thực hành

4.1. Phương pháp quan sát:

a. Quan sát tranh, ảnh địa lý, mô hình địa lý

So với các phân môn khác thì tranh ảnh, mô hình địa lý là những phương tiện trực quan có tính khái quát cao, HS tiểu học không dễ nhận biết ngay ra kiến thức, vì vậy GV cần chú ý thêm kỹ thuật hướng dẫn HS quan sát tranh ảnh, mô hình địa lý để nhận biết được các sự vật, hiện tượng địa lý qua tranh ảnh, mô hình.

Cần kết hợp PP quan sát với các PP khác như: hỏi đáp, thảo luận để tìm ra kiến thức.

b.Quan sát ngoài thực địa:

Phần lớn các đối tượng địa lí cần tổ chức cho HS quan sát ngoài thực địa. Đối tượng địa lí thường có không gian rộng lớn nên khi hướng dẫn HS quan sát ngoài trời, GV cần chú ý đặc điểm đặc trưng nhất của đối tượng quan sát phản ánh được kiến thức cơ bản của bài học.

Ngoài quy trình chung, các kĩ thuật cần sử dụng là:

- + Xác định đối tượng chính cần cho HS quan sát
- + Hướng dẫn HS tìm các dấu hiệu chính phản ánh được đối tượng quan sát
- + HD HS mô tả đối tượng và ghi chép các dấu hiệu
- + HD các trò chơi ngoài lớp phù hợp với nội dung bài học

4.2. Phương pháp thực hành:

Các hoạt động thực hành tập trung chủ yếu vào việc HD HS sử dụng quả địa cầu, mô hình chuyển động của trái đất quanh mặt trời... Dạy học địa lí đòi hỏi sự hoàn thiện các kĩ năng địa lí một cách hệ thống. Với HS tiểu học, các yêu cầu thực hành thường là chỉ các bộ phận, vẽ, tô màu... nhằm hỗ trợ HS nhận biết các đối tượng địa lí, rèn luyện kĩ năng địa lí đơn giản.

Khi thực hành, thường kết hợp với PP quan sát, hỏi đáp, thảo luận...

5. Hình thức tổ chức dạy học:

Nhiều bài học địa lí tự nhiên có thể sử dụng cả 2 hình thức TCDH: dạy học trong lớp và dạy học ngoài lớp.

5.1. Dạy học trong lớp:

Đối với các bài có nội dung địa lí, các hoạt động học tập theo nhóm, cặp và tổ chức trò chơi địa lí cao hơn hẳn các nội dung khác. Như vậy dạy học trong lớp cần tổ chức tốt hình thức học tập theo nhóm, cặp và trò chơi học tập.

5.2. Dạy học ngoài lớp:

Một số bài có nội dung địa lí ở lớp 1,2,3 sử dụng hình thức dạy học ngoài lớp mang lại hiệu quả cao VD: quan sát bầu trời, xác định phương hướng, tham quan thiên nhiên...

Với đối tượng HS còn nhỏ nên GV cần chọn địa điểm phù hợp, gần trường và đảm bảo an toàn cho HS. Trong kế hoạch dạy học phải chuẩn bị kĩ nội dung, phương tiện, dự kiến các phương án thời tiết thuận lợi và không thuận lợi để không bị động trong dạy học.

II. DẠY HỌC CÁC BÀI CÓ NỘI DUNG ĐỊA LÝ Ở CÁC LỚP 4,5

1. Tìm hiểu mục tiêu, nội dung chương trình

1.1. Mục tiêu:

- Về kiến thức: Nhận biết được một số đặc điểm khái quát về tự nhiên, dân cư và hoạt động của con người ở các miền địa hình và cả nước ta, ở các châu lục và một số nước tiêu biểu trên thế giới.
- Về kỹ năng: Bước đầu vận dụng được một số kỹ năng đơn giản về bản đồ và tranh ảnh địa lý.
- Về thái độ: Quan tâm đến một số vấn đề về tự nhiên, dân cư, hoạt động kinh tế và môi trường đang đặt ra cho đất nước, cho thế giới và cho một số nước.

1.2. Nội dung của chương trình:

a. Nội dung địa lý lớp 4:

- Các bài về bản đồ: 2 bài ở phần mở đầu của chương trình Lịch sử và địa lý lớp 4, cung cấp những kiến thức cơ bản tối thiểu về bản đồ, giúp HS học địa lý và lịch sử.
- Các bài khác: kiến thức về thiên nhiên và hoạt động sản xuất của con người ở miền núi và trung du; thiên nhiên và hoạt động sản xuất của con người ở miền đồng bằng; vùng biển Việt nam.

b. Nội dung địa lý lớp 5:

Gồm: Đại lý Việt nam(khái quát tự nhiên, dân cư, kinh tế); Địa lý thế giới (Bản đồ thế giới, vị trí, đặc điểm đặc trưng của từng châu lục và đại dương trên thế giới; khu vực đông nam á và một số nước tiêu biểu ở các châu lục)

2. Phương pháp và HTTC dạy học các bài địa lý ở lớp 4,5:

2.1. Cấu trúc các bài địa lý lớp 4,5:

Khác với các bài địa lý lớp 1,2,3, nội dung chính các bài học địa lý ở các lớp 4,5 được thể hiện qua chữ viết kết hợp với bản đồ, lược đồ, tranh ảnh. Trong đó bản đồ, lược đồ, tranh ảnh là nguồn kiến thức quan trọng.

Ở các lớp 1,2,3, cấu trúc một bài học địa lý tương tự như các bài học TN-XH khác với các nội dung: quan sát và trả lời, liên hệ thực tế và trả lời, bạn cần biết, trò chơi học tập, vẽ, thực hành. Cấu trúc của các bài học địa lý ở các lớp 4,5 có những thay đổi:

a. Về mặt phương pháp, cấu trúc của các bài địa lý trong SGK gồm:

- Phần cung cấp kiến thức: gồm các thông tin từ kênh chữ và các thông tin về kênh hình được khai thác qua các hoạt động học tập của HS

- Phần các câu hỏi hoặc yêu cầu hoạt động:

Câu hỏi hoặc hoạt động giữa bài nhằm gợi ý cho GV tổ chức hoạt động học tập cho HS. Câu hỏi ở cuối bài chủ yếu là các câu hỏi tự luận nhằm giúp GV kiểm tra và củng cố kiến thức cho HS.

- Phần tóm tắt trong tâm của bài được in đậm: giúp HS ghi nhớ được những kiến thức trọng tâm của bài học

b. Về nội dung kiến thức các bài địa lý 4,5 có cấu trúc như sau: các bài địa lý lớp 4,5 có cấu trúc như một bài học địa lý ở bậc trung học phổ thông với các phần: mở bài; nội dung chính của bài học; tóm tắt nội dung chính của bài, câu hỏi và bài tập cuối bài. Tuy nhiên mỗi bài học chỉ gồm một số mục có nội dung kiến thức đơn giản (trả lời cho câu hỏi tại sao? ở đâu? Cái gì?) giúp HS nhận biết một vài đặc điểm địa lý nổi bật của các vùng, của đất nước, châu lục...

3. Phương pháp dạy học các bài địa lý lớp 4,5:

3.1. Phương pháp quan sát tranh, ảnh địa lý:

Khi sử dụng tranh, ảnh trong dạy học địa lý cần chú ý đến giới hạn về không gian, thời gian (nếu có) mà tranh, ảnh thể hiện.

Khi sử dụng có thể qua các bước sau:

+ Trước hết, GV giúp cho HS biết đối tượng chính phản ánh qua bức tranh, ảnh, phương pháp thể hiện, hệ thống kí hiệu đã sử dụng (với tranh), giới hạn không gian, thời gian thể hiện qua bức tranh hoặc ảnh.

+ GV xác định thông tin cần khai thác từ tranh, ảnh (đây là nguồn kiến thức chính hay chỉ có tác dụng minh họa cho bản đồ hoặc kênh chữ) để nêu câu hỏi, vấn đề cần tìm hiểu; HD HS cách quan sát, thu thập thông tin để thực hiện hoạt động học tập. GV có thể bổ sung thêm thông tin cần thiết nếu tranh, ảnh chưa thể hiện rõ.

+ HS trình bày ý kiến của mình qua quan sát cá nhân hoặc thảo luận theo nhóm về kiến thức đã tìm ra. Các HS khác nhận xét, bổ sung

+ GV nhận xét và kết luận.

3.2. Sử dụng bản đồ trong dạy học địa lý lớp 4,5:

a. Rèn kỹ năng hiểu sơ đồ, bản đồ cho HS:

- Hiểu những tri thức tối thiểu về sơ đồ, bản đồ:

Các yếu tố của bản đồ:

+ Mạng lưới kinh tuyến, vĩ tuyến, tỉ lệ bản đồ, khung bản đồ.

+ Yếu tố nội dung: thể hiện qua hệ thống kí hiệu phương pháp biểu hiện

+ Yếu tố hỗ trợ bổ sung (bản chú giải, bản đồ phụ, biểu đồ)

Các bước tiến hành:

+ Hướng dẫn HS đọc tên bản đồ, xác định đối tượng chính thể hiện trên bản đồ, xem bảng chú giải

+ HD HS xác định các đối tượng chính cần tìm trên bản đồ, các yếu tố liên quan đến nội dung (tỉ lệ, kí hiệu...)

+ HS báo cáo kết quả, GV nhận xét, bổ sung, hoàn chỉnh nội dung của bài học thể hiện trên bản đồ.
b. Rèn luyện kĩ năng đọc bản đồ cho HS:

Các bước tiến hành:

Sử dụng tất cả các bước lên lớp trong tiết học: kiểm tra bài cũ, HD HS học bài mới, củng cố, làm bài tập, kiểm tra bài.

- *Khâu chuẩn bị bài- soạn giáo án:*

+ Trên cơ sở nội dung bài giảng, GV kết hợp bản đồ trong SGK và bản đồ treo tường để lựa chọn PPDH thích hợp.

+ Xác định kĩ năng cần hình thành cho HS

+ Dựa vào bản đồ, GV bổ sung những nội dung cần thiết cho SGK

+ Chuẩn bị các phương tiện cần thiết cho sử dụng bản đồ.

- *Khâu sử dụng bản đồ trên lớp:*

+ Định hướng cho HS sử dụng: giải thích những nội dung cần thiết về bản đồ (nếu HS chưa rõ), sau đó nêu một số yêu cầu về cách tiến hành, phương tiện thực hiện, mục tiêu đạt được. Có thể dùng phiếu học tập để đặt ra những câu hỏi, bài tập cho HS quan sát trên bản đồ. Các câu hỏi cần giúp HS khai thác kiến thức, rèn luyện kĩ năng xác định vị trí, địa danh... của đối tượng, hạn chế dùng những câu hỏi phải tính toán chính xác trên bản đồ

+ HS làm việc với bản đồ có GV hướng dẫn

+ HS báo cáo, GV tổng kết vấn đề, bổ sung thêm kiến thức, kĩ năng cho HS

+ Giao bài về nhà cho HS ôn tập.

c. Sử dụng lược đồ:

Tuy tính khoa học không cao nhưng lược đồ được sử dụng nhiều trong dạy học địa lí và lịch sử vì có những ưu thế sau:

+ So với bản đồ, đối tượng trên lược đồ ít hơn nhưng trực quan hơn

+ Sử dụng dễ hơn bản đồ (do không dùng mạng lưới kinh, vĩ tuyến và tỉ lệ), phục vụ yêu cầu thiết thực của bài dạy và trình độ nhận thức của HS tiểu học.

- Trong khi sử dụng, GV cần:

+ Chú ý phối hợp lược đồ, bản đồ và tranh ảnh để bổ sung các ưu điểm cho nhau (tính khoa học của bản đồ, tính trực quan của lược đồ và tranh ảnh)

+ Khi sử dụng trên lớp, GV có thể phóng to lược đồ trong SGK để tạo điều kiện thuận lợi cho HS tranh hoạt động học tập theo nhóm, cả lớp.

3.3. Sử dụng số liệu thống kê, biểu đồ:

Số liệu thống kê và biểu đồ không phải là kiến thức địa lí nhưng có tác dụng minh họa, làm rõ nội dung kiến thức địa lí.

a. Vai trò

+ Định lượng các sự vật hiện tượng địa lí

+ Cụ thể hóa các khái niệm

+ Minh họa một đặc điểm tự nhiên, kinh tế- xã hội.

b. Các loại số liệu thống kê, biểu đồ thường dùng trong các bài học địa lí

- Số liệu riêng biệt: dùng riêng rẽ để cụ thể hóa một đối tượng địa lí (VD: nhiệt độ trung bình năm, lượng mưa, số dân...)

+ Số liệu riêng biệt do cách tính với những đơn vị khác nhau nêu lên mối quan hệ giữa 2-3 yếu tố.

+ Số liệu biểu hiện là chỉ số tương đối(%)

- + Số liệu biểu hiện là chỉ tiêu bình quân: nhiệt độ trung bình năm, mật độ dân số...
- Bảng số liệu: những số liệu có liên quan với nhau được đặt trong bảng để người đọc dễ nhận xét, so sánh, rút ra kết luận
- Biểu đồ: là cấu trúc đồ họa dùng để biểu hiện một cách trực quan số liệu thống kê và quá trình phát triển của hiện tượng trong mối quan hệ thời gian, không gian giữa chúng với nhau. Biểu đồ còn trình bày các số liệu thống kê một cách khái quát, sinh động và có mỹ thuật, giúp người xem dễ hiểu, dễ nhớ.

Các biểu đồ thường dùng trong địa lí ở tiểu học là: biểu đồ hình tròn, hình vuông, biểu đồ hình cột

c. Sử dụng biểu đồ:

- *Khâu chuẩn bị bài:*

+ Lựa chọn các số liệu điển hình

+ Dự kiến các phương tiện dạy học thể hiện số liệu thống kê: SGK, biểu, bảng, các loại máy chiếu...

+ Đưa số liệu thống kê vào bảng, phiếu học tập (nếu cần)

- *Khâu tiến hành bài dạy trên lớp:*

Bước 1: HD HS hiểu ý nghĩa của số liệu, bảng số liệu hoặc biểu đồ.

Bước 2: HD HS đọc, phân tích, so sánh để rút ra nhận xét về bảng số liệu và biểu đồ. Kết hợp với các PPDH địa lí như dùng lời, trực quan...

Bước 3: HS trình bày nhận xét, GV kết luận

- *Sử dụng số liệu thống kê ra bài tập hoặc bài thực hành:* dùng các bảng số liệu ra bài tập nhằm củng cố kiến thức và rèn kỹ năng cho HS.

4. Các hình thức tổ chức dạy học:

Có thể sử dụng hình thức dạy học trong lớp và hình thức dạy học ngoài lớp

4.1. Dạy học trong lớp:

Các hình dạy học cá nhân, theo nhóm và cả lớp cần được sử dụng cho phù hợp với PPDH đặc trưng bộ môn.

* Dạy học cá nhân và dạy học cá nhân có tác dụng lớn trong việc tổ chức cho HS làm việc với các phương tiện trực quan: tranh ảnh địa lí, bản đồ, lược đồ...

* Cần kết hợp dạy học theo nhóm với cả lớp: GV cần giảng giải, hướng dẫn cho HS khai thác kiến thức từ các phương tiện trực quan hoặc từ kênh chữ trong SGK...

4.2. Dạy học ngoài lớp và tham quan:

Trong dạy học địa lí hình thức dạy học ngoài lớp và tham quan có vai trò rất quan trọng .

Có thể tổ chức tham quan theo tuyến: tuyến đường đi cắt qua nhiều khu vực thiên nhiên khác nhau hoặc nhiều vùng dân cư, kinh tế khác nhau; Tham quan theo diện, điểm: tham quan một thành phố, một thắng cảnh thiên nhiên hay một di sản văn hóa.

Ngoài các hình thức tham quan, có thể tổ chức các hoạt động ngoại khóa về địa lí với sự hỗ trợ của các phương tiện, thiết bị dạy học hiện đại (qua băng hình hoặc đĩa CD-ROM...). VD: du lịch qua màn ảnh nhỏ, đồ vui địa lí, bổ sung và củng cố kiến thức... giúp HS mở rộng kiến thức về địa lí và ham thích học môn địa lí.

Bài tập: Mỗi nhóm SV chọn một bài địa lí lớp 4,5, lập kế hoạch dạy học và thực hiện dạy thử theo hướng phát huy tính tích cực của HS.

Chương 6. HƯỚNG DẪN DẠY HỌC CHỦ ĐỀ LỊCH SỬ

I. TÌM HIỂU MỤC TIÊU, CHƯƠNG TRÌNH, SÁCH GIÁO KHOA PHẦN LỊCH SỬ LỚP 4, 5 Ở TIỂU HỌC

1. Mục tiêu chương trình:

1.1. Kiến thức:

Cung cấp cho HS một số kiến thức cơ bản, thiết thực về các sự kiện, hiện tượng, nhân vật lịch sử tiêu biểu, tương đối có hệ thống theo dòng thời gian của lịch sử VN từ buổi đầu dựng nước đến nay.

1.2. Kỹ năng:

Bước đầu rèn luyện và hình thành cho HS các kỹ năng:

- Thu thập tìm kiếm tư liệu lịch sử từ các nguồn khác nhau
- Nêu thắc mắc, đặt câu hỏi trong quá trình học tập và chọn thông tin để giải đáp
- Nhận biết đúng các sự kiện, hiện tượng lịch sử
- Trình bày lại kết quả học tập bằng lời nói, bài viết, sơ đồ, lược đồ...
- Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn cuộc sống

1.3. Thái độ:

Góp phần bồi dưỡng và phát triển ở HS những thái độ và thói quen:

- Ham học hỏi, tìm hiểu lịch sử dân tộc
- Yêu quê hương, đất nước, con người VN
- Tôn trọng bảo vệ các di sản lịch sử, văn hóa

2. Nội dung chương trình và SGK:

Ngoài 3 tiết phần mở đầu (lớp 4), trình bày sơ lược về nội dung, yêu cầu và một số kiến thức chung khi dạy học môn Lịch sử và Địa lí, phần Lịch sử gồm 68 tiết, phân phối thời gian như sau:

- Lớp 4: 1 tiết/tuần, 32 tiết/năm: nội dung trình bày những sự kiện, nhân vật lịch sử phản ánh những cột mốc đánh dấu các giai đoạn lịch sử, những thành tựu trong sự nghiệp xây dựng đất nước và giữa nước của ông cha từ buổi đầu dựng nước đến nhà Nguyễn.
- Lớp 5: 1 tiết/tuần, 35 tiết/ năm. Nội dung chương trình trình bày những sự kiện, nhân vật lịch sử, những thành tựu trong sự nghiệp xây dựng đất nước và giữa nước của ông cha từ nửa cuối thế kỉ XIX (1858) đến nay.

Cụ thể:

2.1. Lớp 4:

- Phần Mở đầu gồm 3 bài, có nội dung chung cho cả 2 phần lịch sử và địa lí, chủ yếu giới thiệu ý nghĩa của việc học tập lịch sử và địa lí, sơ lược khái niệm về sơ đồ, bản đồ và cách sử dụng bản đồ.
- Phần lịch sử có 29 bài: từ *Buổi đầu dựng nước và giữ nước (700 năm TCN đến năm 938)* đến *Buổi đầu thời Nguyễn (1802 -1858)*

2.2. Lớp 5:

Phần lịch sử gồm 30 bài. Nội dung gồm :

- Hơn 80 năm chống thực dân pháp xâm lược và đô hộ (1858-1945): 11 bài
- Bảo vệ chính quyền non trẻ, trường kì kháng chiến chống TD Pháp(1945-1954):7 bài
- Xây dựng CNXH ở miền bắc và đấu tranh thống nhất đất nước(1954-1975): 9 bài
- Xây dựng CNXH trong cả nước (1975-nay): 3 bài

3. Một số đặc điểm nội dung chương trình

- Phần lịch sử ở các lớp 4,5 không trình bày lịch sử theo một hệ thống chặt chẽ. Mỗi bài học là một sự kiện, hiện tượng hay nhân vật lịch sử tiêu biểu của một giai đoạn lịch sử. Tuy nhiên các giai đoạn vẫn phải theo tiến trình lịch sử dân tộc từ xưa tới nay. Các sự kiện lịch sử luôn có mối quan hệ

chặt chẽ với nhau trong bối cảnh lịch sử nhất định. Sự lựa chọn các sự kiện, cấu trúc và mức độ nội dung như trên nhằm đảm bảo mục tiêu môn học, phù hợp với thời lượng của môn học và trình độ của HS. Tuy nhiên, sự lựa chọn các sự kiện tiêu biểu, số lượng các sự kiện của từng giai đoạn cần được tiếp tục cân nhắc cho phù hợp hơn.

- Nội dung chiếm nhiều thời lượng của chương trình là những sự kiện về các cuộc khởi nghĩa, kháng chiến chống xâm lược, các anh hùng giải phóng dân tộc. Chương trình cũng đã hướng tới những sự kiện về kinh tế, văn hóa...phản ánh tính toàn diện của lịch sử.

- Phần lịch sử địa phương chiếm tỉ lệ 10% đến 15% tổng số thời lượng (6-9 tiết). Nội dung chủ yếu là những di tích lịch sử, văn hóa, nhân vật lịch sử, và sự kiện lịch sử tiêu biểu của địa phương.

4. Cách trình bày của SGK

Nội dung lịch sử trong SGK lịch sử và địa lí 4,5 được trình bày theo đơn vị bài học. Mỗi bài có các phần sau:

- Phần cung cấp kiến thức
- Phần kênh hình
- Phần tóm tắt trọng tâm bài học được đóng khung, hoặc in màu, in đậm
- Phần câu hỏi cuối bài.

II. PHƯƠNG PHÁP VÀ HÌNH THỨC TỔ CHỨC DẠY HỌC CHỦ ĐỀ LỊCH SỬ

1. Các phương pháp dạy học lịch sử:

Các phương pháp chính: kể chuyện, đóng vai, quan sát và thảo luận

1.1. Phương pháp kể chuyện

Đối với các loại bài có nhiều tình tiết có liên quan với nhau theo thứ tự thời gian thì nên dùng PP kể chuyện là chủ đạo.

VD: Nội dung bài học nói tới những chiến thắng lịch sử như chiến thắng Bạch Đằng, chiến thắng quân Thanh...; Nội dung bài học nói về tiểu sử, hoạt động, công lao của các nhân vật lịch sử như: Phan Bội Châu, Nguyễn Trường Tộ, Nguyễn Ái Quốc...

Các bước tiến hành:

PP kể chuyện lịch sử thường được tiến hành theo các bước sau:

- Bước 1: Tổ chức cho HS tìm hiểu chuyện

Có thể có các cách giúp HS tìm hiểu chuyện như sau:

+ GV phân truyện đó thành các tình tiết theo thứ tự trước sau. Mỗi tình tiết có thể đặt 1-2 câu hỏi, sau đó đưa cho HS hệ thống câu hỏi đã được sắp xếp phù hợp với logic câu chuyện. GV yêu cầu HS thảo luận nhóm nhỏ hoặc nhóm đôi, dựa vào sách giáo khoa để trả lời hệ thống câu hỏi và kể lại câu chuyện dựa vào dàn bài là các câu trả lời hệ thống câu hỏi trên.

+ Cũng căn cứ vào tình tiết câu chuyện, GV đưa ra một hệ thống tranh liên hoàn. Các tranh này xếp ko theo thứ tự của câu chuyện và ko có lời chú thích ở dưới hoặc cũng có thể có lời chú thích nhưng ko đặt ở dưới tranh. GV yêu cầu HS căn cứ vào nội dung tranh, nội dung bài trong SGK để chú thích và xếp đặt thứ tự cho các bức tranh theo đúng thứ tự các tình tiết câu chuyện. Sau đó dựa vào kết quả của hoạt động trên, HS kể lại câu chuyện theo tranh.

+ GV cũng có thể đưa ra một bản đồ hoặc lược đồ có ghi địa danh và các mũi tên mô tả trận đánh (hoặc cuộc khởi nghĩa); yêu cầu HS dựa vào bản đồ(lược đồ) và nội dung bài trong SGK để kể trình bày lại diễn biến của trận đánh.

- Bước 2: HS tự kể chuyện bằng ngôn ngữ của mình.

GV yêu cầu HS dựa vào kết quả hoạt động tìm hiểu câu chuyện để kể lại câu chuyện bằng ngôn ngữ của mình. Có thể mỗi HS kể một đoạn câu chuyện. Các HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung. GV nhận xét, bổ sung.

- Bước 3: HD HS rút ra bài học lịch sử

Bằng những câu hỏi gợi mở, GV HD HS tự rút ra bài học lịch sử có tính giáo dục, liên hệ với bản thân.

1.2. Phương pháp đóng vai:

Đối với những bài hoặc những đoạn trong đó có nhiều lời thoại hay một bài nào đó có thể xây dựng thành một kịch bản, GV nên sử dụng PP đóng vai.

Cách tiến hành:

Trước hết GV có thể đọc hoặc kể lại bài một cách sinh động. Sau đó yêu cầu HS thảo luận nhóm xác định các vai, xây dựng kịch bản và diễn xuất. Các nhóm HS nhận xét lẫn nhau. GV nhận xét và bổ sung. Cuối cùng GV HD cho HS rút ra bài học lịch sử.

1.3. Phương pháp quan sát:

Đối với những bài trình bày tương đối hoàn thiện về một triều đại hoặc một giai đoạn lịch sử nào đó có thể áp dụng PP quan sát là chủ đạo.

Đồ dùng dạy học ở đây là các vật thật, bản đồ, bảng biểu và cả văn bản gốc (nếu có), các vật phục chế hoặc các ảnh chụp lại các di vật: trống đồng, lưỡi cày đồng, bình gốm, cảnh đua thuyền...

GV tổ chức cho HS quan sát các phương tiện trực quan, thảo luận nhóm và trả lời hệ thống câu hỏi (phiếu học tập) tìm hiểu bài.

HS quan sát, thảo luận và trình bày kết quả thảo luận. GV HD HS rút ra bài học lịch sử.

1.4. PP thảo luận: được sử dụng hỗ trợ cho các PP trên.

2. Các hình thức tổ chức dạy học:

- Đa số các bài học của phần này được tiến hành dạy trong lớp theo nhóm, cá nhân và cả lớp.

- Một số bài lịch sử địa phương hoặc ở địa phương có di tích hoặc viện bảo tàng lịch sử, GV có thể tổ chức cho HS học tại thực địa (học ngoài lớp)

- Có thể tổ chức các hoạt động ngoại khóa với các nội dung như: tham quan lịch sử; nói chuyện lịch sử; dạ hội và trò chơi lịch sử; tham gia các công tác công ích xã hội (chăm sóc, bảo vệ các di tích lịch sử, sưu tầm các tư liệu lịch sử, thăm hỏi các bà mẹ Việt Nam anh hùng...)

Bài tập: Mỗi nhóm SV chọn một bài lịch sử lớp 4,5, lập kế hoạch dạy học và thực hiện dạy thử theo hướng phát huy tính tích cực của HS.